

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

---

**NGÔ TUẤN KIỆT**

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI  
PHẠM VỀ THAM NHŨNG TRÊN ĐỊA BÀN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI – 2017**

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

---

**NGÔ TUẤN KIẾT**

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI  
PHẠM VỀ THAM NHŨNG TRÊN ĐỊA BÀN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Chuyên ngành: Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm**

**Mã số: 60.38.01.05**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

**TS. NGUYỄN TRUNG THÀNH**

**HÀ NỘI - 2017**

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                    |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>MỞ ĐẦU .....</b>                                                                                                                | <b>1</b>  |
| <b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGUYÊN NHÂN, ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI PHẠM THAM NHŨNG .....</b>                      | <b>6</b>  |
| 1.1 Khái niệm tham nhũng và tội phạm về tham nhũng .....                                                                           | 6         |
| 1.2 Khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng.....                                                      | 15        |
| 1.3. Cơ chế tác động làm phát sinh hành vi tội phạm tham nhũng .....                                                               | 26        |
| <b>Chương 2: THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI PHẠM VỀ THAM NHŨNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH .....</b> | <b>30</b> |
| 2.1 Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng.....                                                                | 30        |
| 2.2 Tình hình nguyên nhân, điều kiện của tội phạm về tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh .....                                    | 40        |
| <b>Chương 3: GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC, LOẠI TRỪ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI PHẠM THAM NHŨNG .....</b>                    | <b>58</b> |
| 3.1 Giải pháp kinh tế, xã hội .....                                                                                                | 58        |
| 3.2 Giải pháp về chính trị, tư tưởng .....                                                                                         | 60        |
| 3.3 Giải pháp về văn hóa, giáo dục .....                                                                                           | 62        |
| 3.4 Giải pháp tổ chức, quản lý .....                                                                                               | 63        |
| 3.5 Giải pháp pháp luật .....                                                                                                      | 67        |
| 3.6 Giải pháp đối với công tác đấu tranh phòng chống của cơ quan bảo vệ pháp luật .....                                            | 70        |
| 3.7 Giải pháp về kiểm soát quyền lực, kiểm soát minh bạch.....                                                                     | 74        |
| 3.8 Giải pháp về hợp tác quốc tế và học tập kinh nghiệm phòng chống tội phạm tham nhũng của các nước trên thế giới .....           | 75        |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>                                                                                                              | <b>76</b> |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>                                                                                           | <b>78</b> |

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết nghiên cứu đề tài

Tham nhũng là hiện tượng xã hội, có tính lịch sử, là vấn đề mang tính chất toàn cầu. Ở nước ta hiện nay, ngoài việc gây hậu quả thiệt hại về vật chất, tham nhũng còn gây ra sự bất bình trong nhân dân, tạo nên sự bất công trong xã hội, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước. Tệ nạn tham nhũng là thách thức số một, là yếu tố kìm hãm lớn nhất đối với sự nghiệp đổi mới ở nước ta. Vì vậy, vấn đề phòng, chống tham nhũng, ngăn chặn, khắc phục tệ nạn này hiện nay không chỉ là vấn đề của một tỉnh, một thành phố mà là vấn đề của cả quốc gia.

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp nhằm ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau nên cuộc đấu tranh này chưa đem lại hiệu quả; tình trạng tham nhũng vẫn xảy ra nghiêm trọng. Tại đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX năm 2001, Đảng ta đã chỉ rõ: *“... Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một số bộ phận không nhỏ đảng viên là rất nghiêm trọng. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của đất nước ta”*. Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 tiếp tục khẳng định: *“tình hình tham nhũng vẫn diễn biến phức tạp trên nhiều lĩnh vực, nhất là trong quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, tiềm ẩn các xung đột lợi ích, phản kháng về xã hội, làm tăng thêm khoảng cách giàu nghèo. Tham nhũng trở thành vật cản lớn cho thành công của công cuộc đổi mới, cho sức chiến đấu của Đảng, đe dọa sự tồn vong của chế độ”*.

Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế - xã hội lớn nhất của cả nước, là vùng chuyển tiếp giữa miền Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ; phía Bắc giáp Bình Dương; Tây Bắc giáp Tây Ninh; Đông và Đông Bắc giáp Đồng Nai; Đông

Nam giáp Bà Rịa - Vũng Tàu; Tây và Tây Nam giáp Long An và Tiền Giang. Thành phố Hồ Chí Minh còn là địa phương có số đơn vị hành chính cấp huyện nhiều hơn các tỉnh, thành phố khác và là nơi có số dân cao nhất nước. Thời gian qua, công cuộc đổi mới của Thành phố đã đạt được nhiều thành quả to lớn, tuy nhiên, đây cũng là nơi có nhiều tệ nạn xã hội nhức nhối cần phải được giải quyết, trong đó có tệ tham nhũng. Theo thống kê của các cơ quan chức năng, trong thời gian qua Thành phố đã xảy ra nhiều vụ án tham nhũng lớn, thậm chí có cả những vụ án đặc biệt nghiêm trọng cả về tính chất và quy mô phạm tội, gây bức xúc trong dư luận.

Tình hình trên đòi hỏi công tác phòng, chống tội phạm tham nhũng của Thành phố Hồ Chí Minh phải có những chuyển biến mạnh mẽ cả về nhận thức và cả về hành động để chủ động phòng, chống có hiệu quả loại tội phạm nguy hiểm này, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm. Trong đó, phòng ngừa tội phạm tham nhũng là một công tác có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Tuy nhiên, thực tế công tác này đang gặp phải những khó khăn, vướng mắc, hiệu quả phòng ngừa tội phạm tham nhũng vẫn còn hạn chế đòi hỏi phải có sự nghiên cứu, đánh giá cả về mặt lý luận và cả về thực tiễn. Một trong những vấn đề ảnh hưởng đến hiệu quả phòng ngừa tội phạm tham nhũng là chưa làm rõ được nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng cả về lý luận và thực tiễn nhất là ở một địa bàn cụ thể là thành phố Hồ Chí Minh. Chính vì vậy, tôi chọn nghiên cứu Đề tài “**Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm về tham nhũng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**” làm Luận văn Thạc sỹ nhằm đáp ứng yêu cầu cấp thiết của công cuộc đấu tranh phòng, chống các tội phạm tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước ta, vì vậy, đã có nhiều nhà khoa học và nhiều cán

bộ thực tiễn đã quan tâm nghiên cứu vấn đề này. Điều đó thể hiện cụ thể ở một số công trình nghiên cứu tiêu biểu đã được công bố như sau:

GS.TS. Võ Khánh Vinh (2011, 2013), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân; Giáo trình “*Tội phạm học*”, Nxb Công an nhân dân, tái bản năm 2004, 2012; Nguyễn Văn Cảnh và Phạm Văn Tĩnh “*Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*”, Bộ Công an ấn hành năm 2013.

TS. Phan Xuân Sơn và TS. Nguyễn Thế Lực (2008), *Nhận diện tham nhũng và các giải pháp phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Trần Công Phàn (2004), *Tình hình, nguyên nhân và các giải pháp đấu tranh phòng, chống các tội phạm tham nhũng*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội; Nguyễn Thị Minh Nguyệt (2014), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tội tham nhũng theo pháp luật Việt Nam*.

Ngoài ra, còn có một số bài báo khoa học có đề cập đến tội tham nhũng như: Bài viết “*Một số ý kiến hoàn thiện quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng*” của tác giả Nguyễn Đình Bính, Tạp chí Kiểm sát, số 09/2008; bài “*Hình sự hóa hành vi tham nhũng trong lĩnh vực công theo Công ước chống tham nhũng của Liên Hợp quốc năm 2003*” của Ths. Bùi Thế Tĩnh, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 01/2012; bài “*Các giải pháp nâng cao hiệu quả phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng*” của tác giả Phạm Mạnh Khải, Tạp chí Thanh tra Chính phủ, số 11/2009...

Các công trình khoa học nói trên đều là những công trình có giá trị khoa học và thực tiễn cao. Nhiều công trình đã nghiên cứu khá toàn diện về tội phạm tham nhũng và đưa ra nhiều giải pháp mang tính tổng thể về mặt pháp luật, về tổ chức thực hiện...nhằm đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm tham nhũng. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh dưới góc độ tội phạm học để đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống loại tội phạm nguy hiểm này. Do vậy, nội dung của đề tài luận văn này không trùng với các công trình đã được công bố.

### **3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn**

*Mục đích nghiên cứu*

Phòng ngừa tội phạm là mục đích nghiên cứu của tội phạm học. Đề tài Luận văn này cũng hướng tới mục đích như vậy, nhưng bằng cách nghiên cứu chuyên sâu về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm về tham nhũng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 để tạo tiền đề cho việc phòng ngừa.

#### *Nhiệm vụ nghiên cứu*

Để đạt được mục đích trên, nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra là:

+ Một là, nghiên cứu lý luận và pháp luật. Nhiệm vụ này bao gồm những hoạt động cụ thể như: Tìm, thu thập và nghiên cứu những tài liệu về tội phạm học, về pháp luật hình sự và những tài liệu khác liên quan đến đề tài luận văn làm cơ sở cho việc nhận thức thống nhất, rõ ràng phương pháp luận nghiên cứu và sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể cho phù hợp;

+ Hai là, nghiên cứu thực tế, bao gồm ba hoạt động sau:

Tìm, thu thập, xử lý, phân tích, so sánh những số liệu thống kê thường xuyên của một số cơ quan tư pháp, đặc biệt là số liệu thống kê xét xử sơ thẩm hình sự từ năm 2012 đến năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về các tội tham nhũng; thu thập các bản án xét xử sơ thẩm hình sự về các tội tham nhũng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2016 và xử lý, phân tích, so sánh theo các tiêu thức Tội phạm học cần thiết;

+ Ba là, nghiên cứu sáng tạo, bao gồm các việc cụ thể sau:

- Khái quát hóa những vấn đề lý luận chung về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm về tham nhũng;

- Áp dụng lý luận chung đó vào việc làm rõ thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm về tham nhũng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2012 - 2016;

- Kiến nghị giải pháp phòng ngừa các tội tham nhũng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở thực trạng đã được xác định về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm về tham nhũng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài: vấn đề lý luận và thực tiễn về nguyên nhân, điều kiện tình hình tội phạm tham nhũng dưới góc độ tội phạm học.

- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm về tham nhũng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian 05 năm từ 2012 đến 2016.

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp luận của Luận văn là phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về nhà nước và pháp luật, về phòng chống tội phạm nói chung, tội phạm tham nhũng nói riêng.

- Phương pháp nghiên cứu cụ thể bao gồm phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, khảo sát thực tiễn, tham khảo ý kiến của chuyên gia.

#### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

- Về lý luận: Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể được sử dụng trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy, biên soạn tài liệu về tội phạm học nói chung, về tội phạm tham nhũng nói riêng.

- Về thực tiễn: Đề tài là tài liệu tham khảo cho các cơ quan có thẩm quyền trong hoạch định và xây dựng các biện pháp phòng ngừa tội phạm tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung.

#### **7. Cơ cấu**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được cấu trúc thành 3 chương, cụ thể như sau:

- **Chương 1:** *Những vấn đề lý luận chung về nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng*

- **Chương 2:** *Thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm về tham nhũng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*

- **Chương 3:** *Giải pháp khắc phục, loại trừ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng*

## **Chương 1**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGUYÊN NHÂN, ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI PHẠM THAM NHƯNG**

#### **1.1 Khái niệm tham nhũng và tội phạm về tham nhũng**

##### **1.1.1 Khái niệm tham nhũng**

Tham nhũng là một hiện tượng xã hội xuất hiện gắn liền với sự xuất hiện Nhà nước, gắn liền với quyền lực Nhà nước. Trong những năm gần đây, cùng với xu thế hội nhập và toàn cầu hóa về kinh tế, tham nhũng đã trở thành vấn đề toàn cầu, là tệ nạn gây nhức nhối ở tất cả các quốc gia trên thế giới.

Ở nước ta, tệ nạn tham nhũng đang là “quốc nạn”, làm suy yếu nền kinh tế của đất nước, làm tha hóa một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Nhà nước và chế độ, là một thách thức to lớn đối với hệ thống pháp luật và thiết chế thực thi pháp luật.

Thấy được sự nguy hại của tệ tham nhũng và thực trạng tình hình tham nhũng ở nước ta, Đảng đã xác định tham nhũng là một trong bốn nguy cơ, thách thức làm cản trở sự nghiệp đổi mới, có thể làm sụp đổ chế độ Xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, cùng với sự năng động của nền kinh tế thị trường, thì nạn tham nhũng ngày càng phổ biến và lan rộng. Nó len lỏi vào mọi ngóc ngách của các quan hệ quyền lực, lây lan nhanh chóng vào tất cả các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Nguy hiểm hơn nữa là tham nhũng đang hình thành một thói quen tồn tại như một thứ luật bất thành văn trong đời sống xã hội, diễn ra trên diện rộng và trở thành một “nét ứng xử” bị “vật chất hóa”, “tiền bạc hóa”. Do vậy, không một ai là không lên án tệ nạn tham nhũng, nhưng ít ai thoát ra được khỏi vòng xoáy của nó. Vì thế, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta rất quan tâm đến vấn đề phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng.

Đề đấu tranh với tệ nạn tham nhũng ngày càng gia tăng, trong những năm gần đây Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về chống tham nhũng. Có thể thấy rằng, văn bản pháp lý chuyên biệt đầu tiên về chống tham nhũng đó là Pháp lệnh Chống tham nhũng ngày 26/2/1998. Trong đó, văn bản này xác định: *“Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để tham ô, hối lộ hoặc cố ý làm trái pháp luật vì động*

*cơ vụ lợi, gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, tập thể và cá nhân, xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức” (Điều 1).*

Ngoài ra, trong Pháp lệnh này còn liệt kê 11 hành vi tham nhũng cụ thể và các biện pháp nhằm phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng. Nhưng qua thực tiễn triển khai thực hiện, Pháp lệnh Chống tham nhũng đã bộc lộ nhiều khiếm khuyết, bất cập cần phải sửa đổi, bổ sung. Do vậy, để đáp ứng yêu cầu phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng trong tình hình mới, ngày 29/11/2005, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Luật phòng, chống tham nhũng. Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/06/2006 và được sửa đổi bổ sung ngày 04/08/2007. Điều 1 của Luật phòng chống tham nhũng đã định nghĩa tham nhũng là: *“Hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi”*. Và theo Điều 3 của Luật này thì những hành vi cụ thể sau đây được coi là hành vi tham nhũng: Tham ô tài sản; Nhận hối lộ; Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; Lạm quyền trong thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi; Giả mạo trong công tác vì vụ lợi; Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vì vụ lợi; Những nhiễu vụ lợi; Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

Nghiên cứu các quy định của Bộ luật hình sự đầu tiên của nước ta được ban hành năm 1985 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/1986 thì trong Bộ luật này chưa có quy định riêng về nhóm tội tham nhũng. Nhưng căn cứ vào dấu hiệu đặc trưng của loại tội phạm này là: *“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ để vụ lợi”* thì có thể thấy có một số tội phạm được quy định trong Bộ luật này có thể xếp vào nhóm tội tham nhũng, đó là: Tội tham ô; Tội nhận hối lộ; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của công dân; Tội giả mạo trong công tác...

Sau 15 năm áp dụng, Bộ luật hình sự năm 1985 có tới bốn lần sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới. Nhưng trong ba lần đầu (lần thứ nhất vào năm 1989, lần thứ hai vào năm 1991, lần thứ ba vào năm 1992) các luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1985 vẫn chưa quy định rõ những tội phạm nào thuộc loại tội tham nhũng. Tuy nhiên, trong Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 20/3/1993 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) và Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự (lần 3 năm 1992) có xác định 11 tội cụ thể sau đây thuộc các tội có tính chất tham nhũng: Tham ô tài sản Xã hội chủ nghĩa (Điều 133); Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản Xã hội chủ nghĩa trong trường hợp người phạm tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn (Khoản 2 Điều 134); Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản Xã hội chủ nghĩa trong trường hợp người phạm tội có lợi dụng chức vụ, quyền hạn (Khoản 2 Điều 135); Tội sử dụng trái phép tài sản Xã hội chủ nghĩa trong trường hợp người phạm tội có lợi dụng chức vụ, quyền hạn (Khoản 2, Điều 137); Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của công dân (Điều 156); Tội cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng trong trường hợp người phạm tội có động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác (Điều 174); Tội lập quỹ trái phép (Điều 175); Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 221); Tội giả mạo trong công tác (Điều 224); Tội nhận hối lộ (Điều 226); Tội đưa hối lộ trong trường hợp người phạm tội sử dụng công quỹ để đưa hối lộ (Khoản 2 Điều 227).

Đến năm 1997, Quốc hội khóa IX đã thông qua Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều luật của Bộ luật hình sự (lần thứ tư), trong đó có quy định 12 tội phạm thuộc nhóm tội tham nhũng. So với Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 20/03/1993 thì Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1997 không coi các tội sau đây thuộc nhóm tội tham nhũng: Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản Xã hội chủ nghĩa trong trường hợp người phạm tội có lợi dụng chức vụ, quyền hạn; Tội cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng trong trường hợp người phạm tội có động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác.

Tuy nhiên, có quy định thêm một số tội phạm khác thuộc nhóm tội tham nhũng, đó là: Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi (Điều 288a); Tội đưa hối lộ, tội làm môi giới hối lộ (Điều 227) bất kể có sử dụng công quỹ để đưa hối lộ hay không.

Trên cơ sở quy định của các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên và thực tiễn đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở nước ta, Bộ luật hình sự năm 1999 (tại mục A chương XXI) đã quy định 7 tội danh sau đây thuộc các tội tham nhũng: Tội tham ô tài sản (Điều 278); Tội nhận hối lộ (Điều 279); Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 280); Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 281); Tội lạm quyền trong thi hành công vụ (Điều 282); Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 283); Tội giả mạo trong công tác (Điều 284).

Qua đây cho thấy các tội tham nhũng là các tội phạm về chức vụ, là tội của người có chức vụ, quyền hạn. So với Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1997 thì có 5 tội không còn được coi là tội phạm tham nhũng, đó là: Tội lập quỹ trái phép; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản xã hội chủ nghĩa; Tội đưa hối lộ; Tội môi giới hối lộ.

### ***1.1.2 Khái niệm, đặc điểm của các tội phạm tham nhũng theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999***

Mặc dù trong Bộ luật hình sự hiện hành không có quy phạm định nghĩa về tội phạm tham nhũng, nhưng căn cứ vào khái niệm tội phạm được quy định tại Điều 8 và các quy định tại mục A Chương XXI của Bộ luật hình sự về các tội phạm tham nhũng chúng ta có thể hiểu: *“Các tội phạm tham nhũng là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện một cách cố ý vì mục đích vụ lợi xâm phạm hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan Nhà nước, của tổ chức, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân”*.

Với bản chất pháp lý như vậy, các tội phạm tham nhũng có những dấu hiệu đặc trưng chung sau đây:

*Thứ nhất*, về khách thể:

Các tội phạm tham nhũng có tính nguy hiểm cao cho xã hội, bởi vì xâm phạm những quan hệ xã hội đảm bảo hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức Đảng và Nhà nước, cũng như uy tín của các cơ quan, tổ chức đó. Tham nhũng có thể làm biến dạng và cản trở hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức, gây trì trệ hoặc làm cho các hoạt động đó vượt ra ngoài phạm vi luật định. Tham nhũng còn có thể làm cho uy tín của cơ quan, tổ chức bị giảm sút, hoạt động của bộ máy công quyền không phát huy được hiệu lực, hiệu quả... Điều đó gây ra những tác hại rất lớn cho chế độ, nếu không được ngăn chặn, đẩy lùi thì sẽ trực tiếp đe dọa đến sự tồn vong của chế độ Nhà nước, làm thay đổi bản chất của Nhà nước từ Nhà nước của dân, do dân và vì dân trở thành Nhà nước của một thiểu số người có chức, có quyền trong xã hội.

Ngoài ra, các tội tham nhũng còn xâm phạm đến lợi ích vật chất của Nhà nước, của xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân. Tuy nhiên, những lợi ích này chỉ bị các tội tham nhũng xâm phạm thông qua việc xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Bởi vì, chúng luôn gắn liền với hoạt động đúng đắn của cơ quan tổ, chức đó.

Trong lời nói đầu của Công ước quốc tế về chống tham nhũng, khi đề cập đến tính chất nghiêm trọng của tham nhũng đã nhấn mạnh rằng: *“Tham nhũng có thể đe dọa sự ổn định, an ninh xã hội, xâm phạm các thể chế và giá trị dân chủ, các giá trị đạo đức, công lý và cản trở sự phát triển bền vững và nguyên tắc nhà nước pháp quyền; Rằng: “Tham nhũng chiếm một phần quan trọng nguồn lực quốc gia và việc sử dụng sai trái nguồn lực này sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho ổn định chính trị và phát triển bền vững của các nước”*

Khách thể của tội phạm tham nhũng là những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ, thể hiện ở các lợi ích vật chất, phi vật chất và các giá trị chuẩn mực của xã hội nhưng đã bị hành vi tham nhũng xâm hại tới.

Tội phạm tham nhũng được quy định tại mục A Chương XXI Bộ luật Hình sự. Khách thể của tội tham nhũng là xâm phạm quan hệ sở hữu về tài sản và hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội. Thực tiễn điều tra các vụ án tham ô tài sản ở Công an các địa phương trong thời gian qua cho thấy có một vấn đề vướng mắc trong việc xác định tội danh đó là hành vi của người có chức vụ,

quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trong các Doanh nghiệp Nhà nước chỉ chiếm một tỷ lệ vốn nhất định (dưới 50% hoặc trên 50% nhưng Nhà nước không giữ quyền chi phối) thì có phạm tội tham ô tài sản không. Đây là vấn đề mới và cũng là vấn đề đang có nhiều ý kiến khác nhau về khách thể của tội tham ô tài sản hiện nay.

Mặc dù khách thể của tham nhũng tồn tại không phụ thuộc vào chủ thể tham nhũng nhưng chúng có mối quan hệ khăng khít với nhau, tác động qua lại với nhau. Do vậy, quá trình nghiên cứu tìm ra khách thể của tội phạm tham nhũng cũng cần được đặt trong mối quan hệ với chủ thể của tội phạm tham nhũng. Để hiểu như thế nào là khách thể của tội phạm tham nhũng, trước hết chúng ta cần làm rõ những quan hệ mà chủ thể của tội phạm tham nhũng hướng tới.

Thông thường các quan hệ chủ thể của tội phạm tham nhũng hướng tới đó là những lợi ích vật chất, bao gồm tiền, vàng, cổ phiếu, nhà, đất, xe và các loại tài sản khác. Nhưng bên cạnh đó cũng có cả những lợi ích phi vật chất, nó thuộc giá trị tinh thần mà các chủ thể của tội phạm tham nhũng xâm phạm, cần phải được bảo vệ, như uy tín, danh hiệu thi đua, danh hiệu văn hoá. Ngoài ra các quan hệ mà chủ thể của tội phạm tham nhũng xâm phạm còn là những giá trị mang tính chuẩn mực xã hội, cần được pháp luật bảo vệ.

*Thứ hai, về phương diện khách quan:*

Các tội phạm tham nhũng được thể hiện ở các dấu hiệu hành vi, hậu quả tác hại và các dấu hiệu khách quan khác.

- Hành vi khách quan của các tội phạm tham nhũng tuy khác nhau về mặt hình thức biểu hiện nhưng đều là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn của mình làm trái công vụ.

Lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ có nghĩa là sử dụng chức vụ, quyền hạn được giao như là phương tiện để làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm hoặc liên quan trực tiếp đến công việc của mình hoặc làm một việc không được phép làm. Như vậy, việc thực hiện tội phạm tham nhũng của người có chức vụ, quyền hạn đều liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn mà người phạm tội được cơ quan, tổ chức giao cho. Nếu thiếu dấu hiệu “*lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ để vụ lợi*” thì không thể xử

lý về tội tham nhũng. Do vậy, nếu người có chức vụ quyền hạn thực hiện hành vi phạm tội nhưng không sử dụng chức vụ, quyền hạn của mình để phạm tội thì hành vi đó không phải là hành vi tham nhũng. Ví dụ: Người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan nhà nước thực hiện hành vi kinh doanh trái phép ở nơi cư trú thì hành vi này không phải là hành vi tham nhũng, bởi vì người thực hiện hành vi này không sử dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi

Xét về mặt hình thức, hành vi khách quan của các tội phạm tham nhũng hết sức đa dạng: tương ứng với 7 tội phạm cụ thể có 7 loại hình hành vi tham nhũng khác nhau, đó là tham ô tài sản (Điều 278); nhận hối lộ (Điều 279); lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 280); lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 281); lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 282); lợi dụng chức vụ quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 283); giả mạo trong công tác vụ lợi (Điều 284). Mặc dù vậy, hành vi khách quan của tội phạm tham nhũng đều được thể hiện dưới hai hình thức cơ bản là hành động phạm tội và không hành động phạm tội. Hành động phạm tội có nghĩa là làm một việc mà pháp luật nghiêm cấm, còn không hành động phạm tội là không làm một việc mà pháp luật buộc phải làm, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và của công dân. Những hành vi này đều là những hành vi trái với công vụ được giao.

Các hành vi tham nhũng mà Bộ luật hình sự Việt Nam quy định là tội phạm có bản chất và hình thức biểu hiện tương tự như những hành vi tham nhũng mà Liên hợp quốc đặt ra cho các quốc gia thành viên có nghĩa vụ tội phạm hoá (hình sự hoá). Các hành vi đó là: hối lộ công chức quốc gia; hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức tổ chức quốc tế công; tham ô, biển thủ hoặc các dạng chiếm đoạt tài sản khác do công chức thực hiện; lợi dụng ảnh hưởng để trục lợi; làm giàu bất hợp pháp...

- Hậu quả do các tội phạm gây ra cho xã hội có thể là những thiệt hại vật chất. Đó là những thiệt hại về tài sản của Nhà nước, của tổ chức và của nhân dân. Ngoài ra, các tội phạm tham nhũng còn gây ra những thiệt hại phi vật chất khác như cản trở, ảnh hưởng đến việc thực hiện những chủ trương chính sách đổi mới; làm thay đổi những chuẩn mực đạo đức xã hội, làm vẩn đục mối quan hệ xã hội và

những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc; làm tha hóa đội ngũ cán bộ, công chức Nhà nước; làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Ở đây cần chú ý là mức độ hậu quả được quy định đối với từng tội không giống nhau: có những tội chỉ đòi hỏi hành vi gây ra những thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân (các tội quy định tại Điều 281, 282). Như vậy, đối với các tội phạm này luật không định lượng mức độ thiệt hại. Nhưng đối với một số tội phạm tham nhũng khác, nhà làm luật lại định lượng giá trị tài sản bị tham nhũng để phân biệt giữa tội phạm tham nhũng với hành vi không phải là tội phạm tham nhũng. Do vậy, đối với những tội phạm này, theo quy định của Luật hình sự hành vi, tham nhũng chỉ cấu thành tội phạm nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ 2 triệu trở lên. Nếu dưới mức đó thì hành vi tham nhũng chỉ cấu thành tội phạm nếu có thêm một trong các dấu hiệu sau: gây hậu quả nghiêm trọng; đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm; đã bị kết án về một trong những tội tham nhũng quy định tại Mục A chương XXI chưa được xóa án tích mà còn vi phạm (các tội quy định tại các Điều 278, 279, 280).

Các dấu hiệu khách quan khác như: thời gian, địa điểm, phương thức, thủ đoạn phạm tội... luật không quy định là dấu hiệu bắt buộc đối với tội phạm tham nhũng.

*Thứ ba, về phương diện chủ quan:*

Các tội phạm tham nhũng đều là những tội được thực hiện do cố ý, tức là khi phạm tội, người có chức vụ, quyền hạn nhận thức được hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi mà mình thực hiện có tính nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả của hành vi đó, nhưng vẫn mong muốn hậu quả xảy ra để đạt được mục đích vụ lợi của mình.

Mặt khác, người phạm tội tham nhũng luôn xuất phát từ động cơ và nhằm mục đích vụ lợi. Điều này có nghĩa là vì muốn chiếm hưởng những lợi ích nhất định nên họ đã sử dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi phạm tội. Tính chất “vụ lợi” không chỉ thể hiện ở việc người phạm tội mong muốn đạt được lợi ích cho chính mình mà còn hướng tới việc mang lại lợi ích cho người thân, gia đình, địa phương, cơ quan hay đơn vị nơi họ công tác. Lợi ích mà người phạm tội mong muốn có được có thể là lợi ích vật chất như: tiền, vàng, nhà đất ... nhưng cũng có

thể là những lợi ích phi vật chất khác như: danh vọng, chức quyền... Do đó, hành vi do người có chức vụ thực hiện nhưng không xuất phát từ động cơ và nhằm mục đích có tính chất vụ lợi thì không phải là hành vi tham nhũng.

*Thứ tư*, chủ thể của các tội tham nhũng:

Chủ thể của các tội tham nhũng phải là chủ thể đặc biệt. Theo quy định của Bộ luật hình sự thì họ phải là người có chức vụ trong các cơ quan, tổ chức của Nhà nước hoặc của Đảng. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 thì: *"Người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do dân cử hoặc do hợp đồng hay một hình thức khác có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong thi hành công vụ"*

Như vậy, chủ thể của các tội phạm tham nhũng chỉ có thể là người có chức vụ, quyền hạn. Những người không có chức vụ, quyền hạn không thể trở thành chủ thể của tội phạm tham nhũng. Theo khoản 3, Điều 11 Luật Phòng, chống tham nhũng thì *"Người có chức vụ, quyền hạn bao gồm: Cán bộ, công chức, viên chức; Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; Cán bộ lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp của Nhà nước, cán bộ lãnh đạo, quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp; Người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó"*

Vấn đề đặt ra là "chức vụ, quyền hạn" mà người phạm tội lợi dụng hoặc lạm dụng để tham nhũng có phạm vi giới hạn như thế nào? Có ý kiến cho rằng: chức vụ, quyền hạn của chủ thể trong các tội phạm về tham nhũng chỉ có thể là chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan nhà nước mà không thể là chức vụ, quyền hạn trong các tổ chức khác. Ý kiến khác, thì quan niệm chức vụ, quyền hạn của chủ thể trong các tội phạm về tham nhũng là chức vụ quyền hạn trong mọi tổ chức, kể cả trong khu vực nhà nước và cả ngoài khu vực nhà nước (tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng, tổ chức phi chính phủ).

Chúng tôi cho rằng nếu quan niệm như vậy thì sẽ có một thực trạng là: nhận diện không đầy đủ, không đúng với quy định của Luật phòng chống tham nhũng về người có chức vụ, quyền hạn, dẫn đến không thống nhất trong việc xử lý hình sự

đối với những hành vi phạm tội, làm giảm hiệu quả đấu tranh chống tham nhũng. Do vậy, theo chúng tôi, chủ thể của loại tội phạm về tham nhũng chỉ có thể là người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, tổ chức của Đảng và của Nhà nước. Nhận thức như vậy, mới đảm bảo xử lý đúng tính chất hành vi phạm tội về tham nhũng và thể hiện quan điểm, quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước ta trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, nhằm làm trong sạch bộ máy Đảng và Nhà nước, củng cố lòng tin của nhân dân vào chế độ Xã hội chủ nghĩa.

## **1.2 Khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng**

### **1.2.1 Khái niệm**

Thuật ngữ “nguyên nhân” được định nghĩa tương đối thống nhất trong các từ điển tiếng Việt hiện nay. Trong Đại từ điển tiếng Việt, “nguyên nhân” được định nghĩa là: “Điều gây ra một kết quả hoặc làm xảy ra một sự việc, một hiện tượng” [36,tr.1217]; trong Từ điển tiếng Việt, “nguyên nhân” được hiểu: “Hiện tượng làm nảy sinh ra hiện tượng khác trong quan hệ với hiện tượng khác đó”[14,tr.671]. Như vậy, nói đến nguyên nhân là đề cập những yếu tố mà từ đó, theo cơ chế nhất định, đã tác động để tạo thành những kết quả. Từ định nghĩa về nguyên nhân, chúng ta có thể suy ra định nghĩa về nguyên nhân của tội phạm. Theo đó, nguyên nhân của tội phạm có thể hiểu là các yếu tố đóng vai trò làm phát sinh tội phạm

Triết học Mac – Xít khẳng định rằng “Nguyên nhân là phạm trù chỉ sự tác động qua lại giữa các mặt trong một sự vật, hiện tượng hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau gây ra sự biến đổi nhất định gọi là kết quả. Như vậy, về bản chất, nguyên nhân không phải là hiện tượng hay sự vật nào đó mà nguyên nhân chỉ có thể là sự tác động qua lại. Không có sự tác động qua lại thì không có nguyên nhân”. Và “Để nguyên nhân sinh ra kết quả nhất định nào đó thì quá trình tương tác phải diễn ra trong điều kiện nhất định. Điều kiện tuy không sản sinh ra kết quả, song tạo thuận lợi, hỗ trợ, thúc đẩy sự tương tác sinh ra kết quả. Vậy nên, về bản chất, điều kiện là những sự kiện, tình huống, hoàn cảnh nhất định”

Tội phạm là hiện tượng vừa có tính xã hội vừa có tính cá nhân. Do vậy, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm luôn thể hiện ở một thể thống nhất của các nhân tố thuộc môi trường xã hội và các nhân tố thuộc bản thân từng cá nhân con

người tương tác với nhau theo một cơ chế nhất định. Cơ chế tác động của các nhân tố này được thể hiện theo hai giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất, là giai đoạn tác động qua lại giữa các môi trường bên ngoài với các đặc điểm bên trong của cá nhân để hình thành các đặc điểm nhân thân xấu (nhân cách lệch lạc) của con người. Sự tác động của môi trường đến cá nhân con người có thể theo một trong hai xu hướng: tích cực và tiêu cực (tốt – xấu). Những yếu tố tích cực của môi trường sống sẽ tác động để hình thành các đặc điểm nhân thân tốt (tích cực); ngược lại những yếu tố tiêu cực của môi trường sống sẽ tác động để hình thành các đặc điểm nhân thân xấu (tiêu cực). Tuy nhiên, không phải trong môi trường sống tiêu cực tất cả con người đều mang đặc điểm nhân thân xấu. Bởi vì, mỗi cá nhân sống trong môi trường đó không chỉ thụ động chịu sự tác động một phía từ môi trường đến bản thân mình mà còn có thể chủ động tiếp nhận và tác động trở lại đến môi trường. Do vậy, tuy cùng sống trong môi trường xấu, tiêu cực, nhưng có cá nhân dễ dàng chịu sự tác động của môi trường xấu, môi trường tiêu cực, tiềm ẩn nhanh chóng những thói hư, tật xấu ngoài xã hội; Song ngược lại cũng có những cá nhân bản lĩnh vững vàng trước mọi cám dỗ tiêu cực của đời sống xã hội. Đó là lý do vì sao trong xã hội có những người phạm tội luôn luôn tồn tại bên cạnh những người không phạm tội.

Giai đoạn thứ hai, là giai đoạn tác động qua lại giữa các đặc điểm nhân thân xấu của con người với tình huống tiêu cực cụ thể của môi trường bên ngoài làm phát sinh tội phạm.

Như vậy, tình huống xã hội, hoàn cảnh sống của mỗi cá nhân cũng ảnh hưởng đến việc làm phát sinh tội phạm vào thời điểm nhất định. Song bản thân tình huống, hoàn cảnh cụ thể dù có thuận lợi đến đâu đi chăng nữa cũng không làm phát sinh tội phạm nếu như ở một người cụ thể trước đó chưa hình thành (không có) những phẩm chất cá nhân tiêu cực, lòng tham. Vì thế, tội phạm chỉ có thể được thực hiện khi một con người đã chứa đựng trong mình những phẩm chất cá nhân tiêu cực, lệch lạc nếu gặp phải những tình huống, hoàn cảnh thuận lợi, dễ dàng cho việc thực hiện tội phạm.

Từ phân tích trên có thể đi đến kết luận *“Nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng là sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực thuộc môi*

*trường xã hội và yếu tố tâm lý xã hội tiêu cực thuộc bản thân người phạm tội làm phát sinh tình hình tội phạm trong những hoàn cảnh, tình huống cụ thể”.*

### ***1.2.2 Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng***

#### ***1.2.2.1 Theo phạm vi, mức độ tác động của nguyên nhân và điều kiện***

Theo tiêu chí này nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng được phân thành: nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng nói chung (của tất cả các tội phạm tham nhũng) và nguyên nhân điều kiện của tình hình tội phạm của từng tội phạm tham nhũng cụ thể. Ví dụ như: Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội nhận hối lộ

#### ***1.2.2.2 Theo nội dung, tính chất tác động của nguyên nhân và điều kiện***

Theo tiêu chí này, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng được phân thành

#### ***Nguyên nhân và điều kiện kinh tế - xã hội:***

Đại hội VII, Đại hội VIII và Đại hội IX của Đảng cộng sản Việt Nam cũng như các Nghị quyết của Trung ương trong thời gian qua đã phân tích một cách toàn diện, khách quan những khó khăn và sự mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế nước ta trong giai đoạn chuyển tiếp. Số người thất nghiệp ngày càng tăng, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, lạc hậu chưa đáp ứng được với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Hiện tượng mất dân chủ, vi phạm kỷ cương pháp luật, hiện tượng “quan tham” ngày càng tăng cùng với cơ chế quản lý còn thiếu đồng bộ đang là những thách thức lớn đối với sự phát triển của đất nước. Các giá trị truyền thống đạo đức xã hội, quan hệ giữa người với người cũng bị xói mòn.

Việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa triệt để, không theo kịp được trình độ phát triển của hoạt động thực tiễn. Trong quá trình lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, để xây dựng, phát triển và bình ổn trật tự xã hội còn nghiêng về “đức trị”, “nhân trị” mà chưa nghiêng về “pháp trị”. Chính sách thưởng phạt chưa đủ sức răn đe người phạm tội và khuyến khích người lập công, tố giác tội phạm

Do ảnh hưởng của mặt trái cơ chế thị trường, sự cạnh tranh và việc đề cao quá mức giá trị đồng tiền làm cho người sản xuất, kinh doanh có xu hướng tối đa

hoá lợi nhuận bằng mọi giá, tìm cách hồi lộ công chức nhà nước để tạo lợi thế trong kinh doanh. Những nghiên cứu gần đây cho thấy tác hại to lớn của những yếu tố tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường thật sự đã đến mức báo động, chính điều này đã góp phần làm gia tăng tệ tham nhũng thông qua việc thúc đẩy các hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, làm giàu phi pháp, chiếm đoạt tiền của Nhà nước và nhân dân.

Những khó khăn về kinh tế chẳng những tác động vào từng con người cụ thể mà còn tác động tiêu cực đến việc thực hiện các chủ trương, chính sách xã hội của Nhà nước. Trong điều kiện chuyển sang cơ chế thị trường, nhiều chính sách xã hội hiện hành còn chứa đựng nhiều điểm bất hợp lý, thiếu chặt chẽ. Nhiều cơ quan xí nghiệp lợi dụng cơ chế đổi mới, “năng động” để lấy tiền của Nhà nước làm tiền thưởng chia nhau bất chấp chế độ, nguyên tắc. Nhiều xí nghiệp thua lỗ nhưng vẫn có tiền thưởng rất lớn trong các dịp tổng kết, Lễ, Tết... Đó cũng là môi trường thuận lợi cho tội phạm nói chung và các tội hồi lộ nói riêng có điều kiện phát triển. Chế độ tiền lương hiện hành tuy đã nhiều lần sửa đổi nhưng vẫn còn nhiều bất cập, chưa thống nhất, tiền lương của cán bộ, công chức không đủ để chi dùng vào sinh hoạt thiết yếu hàng ngày. Do đó, khả năng phát sinh ý thức phạm tội khi có điều kiện là khó có thể tránh khỏi. Bên cạnh đó, chúng ta chủ trương phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường nhưng lại chưa coi trọng và chú ý đúng mức đến sự thay đổi đồng bộ của các chính sách xã hội. Thực tế, nhiều chủ trương, chính sách phù hợp nhưng khi áp dụng thì bị kẻ cơ hội, thoái hóa biến chất trong các cơ quan Nhà nước lợi dụng để thực hiện vì lợi ích riêng của cá nhân, dẫn đến phản tác dụng như chủ trương giảm biên chế ở các cơ quan Nhà nước trong nhiều trường hợp lại là điều kiện cho những kẻ năng lực yếu kém, cơ hội luôn lách tồn tại, còn những người tốt, có năng lực, thẳng thắn đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực lại bị loại ra khỏi biên chế.

Những giải pháp đấu tranh với tội phạm nói chung trong đó có các tội phạm về kinh tế không được triệt để đã tạo nên khả năng miễn dịch của tội phạm, nhất là tham nhũng, biến tham nhũng thành căn bệnh mãn tính. Trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ, đồng bộ của nhà nước. Nhưng trong những năm vừa qua hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế còn nhiều

thiếu sót, sơ hở, yếu kém. Vai trò kiểm tra, kiểm soát của nhà nước còn nhiều hạn chế và kém hiệu lực, do vậy tệ tham nhũng không bị ngăn chặn mà ngày càng phổ biến, trở thành lực cản kìm hãm sự phát triển của xã hội.

*Nguyên nhân và điều kiện chính trị tư tưởng:*

Phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên bị suy thoái, công tác quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên yếu kém. Điều này đã được đánh giá trong nhiều văn kiện của Đảng. Ngày 21-8-2006, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X cũng nhận định: “Công tác cán bộ nói chung và việc quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức nói riêng còn yếu kém. Một bộ phận không nhỏ đảng viên, cán bộ, công chức suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống. Không ít cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành, kể cả cán bộ lãnh đạo cao cấp, còn thiếu gương mẫu trong việc giữ gìn phẩm chất đạo đức; chưa đi đầu trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm”

Tư duy chính trị của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn phảng phất tư duy “truyền thống”, phong kiến, manh mún, chấp vạ, thiếu tính hệ thống dẫn đến thiếu mạnh dạn và quyết tâm trong việc thực hiện đường lối đổi mới, đặc biệt là đổi mới tư duy chính trị. Giữa đổi mới tư duy chính trị và đổi mới tư duy kinh tế của Đảng ta chưa có sự đồng bộ, thống nhất cần thiết nên thường xuyên diễn ra tình trạng “đánh trống bỏ dùi”, “đầu voi đuôi chuột” làm tầm thường hóa hệ thống pháp luật.

Bất cập trong triết lý về giáo dục, chưa hình thành được một triết lý giáo dục đủ tầm cỡ, làm trụ cột lâu dài, xuyên suốt và bền vững trong quá trình phát triển, kể cả giáo dục nói chung và giáo dục pháp luật nói riêng; giáo dục đạo đức cán bộ, đảng viên trong giai đoạn phát triển kinh tế thị trường chưa được chú trọng đúng mức. Hơn nữa, việc đưa những người thiếu năng lực và thiếu phẩm chất đạo đức vào làm cho các cơ quan nhà nước do “quan hệ”, nể nang, “đi đêm”... làm suy thoái hệ thống chính trị và làm cho tình trạng tham nhũng ngày càng phát triển nhanh chóng.

Ngoài ra, chúng ta chưa thực hiện tốt quy chế dân chủ đây là nguyên nhân và điều kiện mang tính chất khái quát dẫn đến phát sinh tham nhũng ở nước ta. Hồ Chí Minh từng cho rằng “*dân chủ là chìa khóa vạn năng để giải quyết những vấn*

*đề xã hội*”. Tuy nhiên dân chủ phải gắn liền với dân trí. Nhìn chung trình độ dân trí, kể cả quan trí của chúng ta chưa cao nên nhân dân chưa có nhiều khả năng tham gia làm chủ, quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Mặc dù chúng ta đã có bước tiến đáng kể về việc ban hành quy chế dân chủ, song nhìn chung việc thực hiện đưa quy chế vào cuộc sống còn nhiều hạn chế, khó khăn.

*Nguyên nhân và điều kiện tâm lý, văn hóa xã hội:*

Đây là nguyên nhân và điều kiện chủ quan, nguyên nhân có tính chất “nội lực” làm gia tăng các tội phạm tham nhũng. Con người có nhu cầu về vật chất và tinh thần, đồng thời cũng có ý thức về cách thức làm thỏa mãn các nhu cầu đó. Do vậy, việc nhận thức sai về cách thức, con đường thỏa mãn nhu cầu chính là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi phạm tội tham nhũng.

Nghiên cứu các vụ án tham nhũng cho thấy, các đối tượng phạm các tội tham nhũng chủ yếu là xuất phát từ tâm lý vụ lợi, tham lam, khát vọng làm giàu bằng mọi giá, bất chấp đạo đức và pháp luật, tìm đủ mọi thủ đoạn để kiếm tiền. Đặc biệt, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, những phần tử xấu trong xã hội thường dùng tiền và các lợi ích vật chất khác “làm mồi” để mua chuộc những cán bộ, đảng viên có tư tưởng không vững vàng. Những ai có tâm lý tiêu cực, vụ lợi, tham lam, thì khi có điều kiện thuận lợi, tâm lý ấy sẽ biến thành quan điểm, lối sống lấy đồng tiền làm mục đích, khiến cho lý tưởng, lòng tin trở nên mờ nhạt, con người bị thoái hóa, biến chất, dẫn tới những hành vi phạm tội.

Văn hoá cả nể, né tránh của chính người làm công tác phòng, chống tham nhũng, bao che người quen và giải quyết việc công bằng tình cảm đường như vẫn còn tồn tại trong nếp sống và suy nghĩ của người dân Việt Nam, đặc biệt là những người làm quan chức nắm giữ quyền lực. Thực tế cho thấy, chính văn hoá này đã ảnh hưởng lớn đến công tác phòng, chống tham nhũng bởi sự cả nể hoặc sợ bị liên lụy hoặc trả thù.

Một số nét văn hoá như biếu và nhận quà tặng... bị lợi dụng để thực hiện hành vi tham nhũng. Tâm lý, “truyền thống văn hóa” và trình độ nhận thức của một bộ phận người dân còn yếu kém. Với quan niệm “đầu bôi trơn bánh xe”, “đầu xuôi đuôi lọt”, “đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn” và nghĩ rằng giải pháp nhanh nhất,

hiệu quả nhất để giải quyết công việc cũng là nguyên nhân thúc đẩy tham nhũng. Hơn thế, người ta còn dùng hối lộ, quà cáp như một hình thức “kết thân”, “đầu tư chiều sâu”, “đầu tư vào tương lai” để tạo thuận lợi cho con đường công danh sự nghiệp sau này cho cả bản thân lẫn người thân. Chính hành vi tâm lý và trình độ nhận thức này đã vô tình làm cho không ít cán bộ, nhân viên bị tham nhũng thụ động. Tình trạng này kéo dài làm xuất hiện tư tưởng gây khó dễ ở cán bộ, công chức để nhận “phong bì” từ dân mới giải quyết công việc, cho rằng nhận hối lộ là một thủ tục tất yếu trong quá trình xử lý công việc. Vô hình điều này tạo nên một cách suy nghĩ, một thói quen xấu trong cán bộ công chức và cả những người muốn dùng tiền để giải quyết công việc, dần dần hình thành nên “văn hóa phong bì”.

*Nguyên nhân và điều kiện tổ chức, quản lý:*

Hệ thống chính trị chậm được đổi mới, trình độ quản lý còn lạc hậu, mức sống thấp, tạo ra các kẽ hở cho tệ tham nhũng nảy sinh và phát triển. Bên cạnh đó, việc phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương, phân biệt quản lý nhà nước và quản lý sản xuất, kinh doanh có phần chưa rõ. Quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước diễn ra chậm chạp và thiếu sự kiểm soát chặt chẽ. Cơ chế quản lý tài sản công, quản lý vốn và tài sản trong doanh nghiệp nhà nước còn lỏng lẻo là nguyên nhân và điều kiện cho tội phạm tham nhũng phát triển.

Nguyên nhân và điều kiện quan trọng, dễ dẫn đến tham nhũng nhất đó chính là sự sơ hở, bất cập, thiếu công khai, thiếu minh bạch, cơ chế “xin - cho” còn tồn tại. Đây là nguyên nhân thường xuyên được đề cập và lặp đi lặp lại nhiều lần trong các phiên họp của Quốc hội. Nguyên nhân này thể hiện ở chỗ: cơ chế kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng, quản lý, luân chuyển tài sản có nhiều sơ hở, giao tài sản cho nhân viên nhưng không có biện pháp kiểm tra, giám sát chặt chẽ, gian lận trong công tác để chiếm đoạt tài sản,... Các thủ tục, quy định của Nhà nước chưa được công khai, rõ ràng nên nhân dân có suy nghĩ “tiếp cận, giải quyết” mới xong, tạo điều kiện cho cán bộ tham nhũng; thiếu công khai, minh bạch trong công tác quản lý, trong công tác kê khai tài sản, trong công tác sử dụng tài sản, và thiếu minh bạch trong các văn bản, quy định, thủ tục.

Công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra lỏng lẻo, yếu kém của Nhà nước; xử lý qua loa, chỉ mang tính “hình thức” như cảnh cáo, phê bình hoặc chủ trương “đại sự

hóa tiểu sự, tiểu sự hóa vô sự” vì người vi phạm thường là cán bộ có quyền lực và địa vị, nên chưa mang tính răn đe. Các cán bộ cấp cao và cấp trên chưa làm gương cho cấp dưới, chưa thấm nhuần tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh với phương châm *“một tấm gương sống về đạo đức gấp hàng trăm, hàng nghìn bài diễn thuyết”*. Việc chấp hành kỷ luật cũng bị xem nhẹ dẫn đến tình trạng “phép vua thua lệ làng”, “trên bảo dưới không nghe”,... Người quản lý, thanh tra, kiểm tra, điều tra cũng chưa thật sự mạnh tay và làm việc có hiệu quả, vẫn còn nặng tình trạng “báo cáo tốt”, tặc hại hơn còn đồng lõa, “gợi ý” làm cho tặc tham nhũn gia tăng, khó có thể ngăn chặn, phát hiện, xử lý kịp thời.

Nhũn yếu kém trong công tác tổ chức cán bộ là một trong nhũn nguyên nhân quan trọng làm phát sinh các tặc có tính chất tham nhũn. Nhũn mạnh vấn đề này trong nhũn văn kiện của Đảng đã chỉ rõ: Công tác cán bộ vừa bảo thủ, vừa trì trệ về nhũn mặt, vi phạm các nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đề bạt cán bộ. Việc bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ chủ chốt ở nhũn cấp, nhũn ngành ít nhũn vẫn còn tư tưởng “bè cánh”, “phe cánh”. Công tác đề bạt cán bộ còn bị chi phối bởi cách nhũn chủ quan, phiến diện, chưa chính xác trong phương pháp đánh giá, lựa chọn cán bộ. Tư tưởng cục bộ, bản vị, nhũn thiên kiến, cảm tình nể nang làm cho việc cất nhắc cán bộ bị sai lệch...

*Nguyên nhân và điều kiện về pháp luật và công tác phòng, chống:*

Pháp luật Việt Nam trong nhũn năm qua đã có nhũn bước tiến trong việc cải cách và hoàn thiện hệ thống pháp lý. Đặc biệt, trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũn Việt Nam ngoài quy định của Luật và Nghị định liên quan ra, đã có nhũn Quyết định, Chỉ thị của lãnh đạo cấp trung ương cho thấy quyết tâm kiểm soát và hạn chế tối đa tham nhũn trong nhũn năm trở lại đây. Pháp luật Việt Nam hiện còn khá nhũn lỗi hỏng trong việc quản lý, giám sát cán bộ, công chức và viên chức của mình trong việc thực thi quyền lực nhà nước được giao. Nhũn quy định còn “nằm trên giấy” và có nhũn quy định chưa đi sát với thực tiễn hoặc chẳng có tác động gì mấy đến các đối tượng tham nhũn có chức, có quyền lớn. Hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước còn công kênh và quan liêu nặng nề.

Bên cạnh đó, Cơ chế chính sách pháp luật chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, thiếu nhất quán, việc phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương. Cải cách hành

chính vẫn còn chậm và lúng túng, cơ chế “xin cho” trong hoạt động công vụ vẫn còn phổ biến; thủ tục hành chính phiền hà, nặng nề, bất hợp lý. Cơ chế “xin cho” là một trong những nguy cơ của tệ tham nhũng, hối lộ mà đến nay vẫn chưa có cách khắc phục. Chế độ trách nhiệm của cán bộ, công chức chưa rõ ràng, cụ thể, đặc biệt là trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo đối với những sai phạm, tiêu cực xảy ra trong cơ quan, đơn vị mình.

Việc thực hiện chính sách phòng, chống tham nhũng của nước ta chưa hiệu quả, đồng bộ, chưa đáp ứng được thực trạng tham nhũng hiện nay, thiếu một chương trình phòng, chống lâu dài, tổng thể mà chỉ chủ yếu tập trung vào việc giải quyết những vụ “tham nhũng vặt”, nhỏ lẻ. Mặt khác, chúng ta chưa có cơ chế hữu hiệu để bảo vệ những người phát hiện và dám tố cáo tham nhũng. Việc tuyên dương người đứng lên tố cáo tham nhũng hiện nay cũng chưa phải là giải pháp hiệu quả để động viên toàn dân tham gia. Hơn nữa, người “đưa hối lộ” đi tố cáo tham nhũng cũng bị khép tội “đưa hối lộ” nên cũng làm hạn chế việc tố cáo tham nhũng của nhân dân.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng ở một số nơi chưa chặt chẽ, sâu sát, thường xuyên; việc xử lý tham nhũng chưa nghiêm. Chức năng, nhiệm vụ của nhiều cơ quan nhà nước trong đấu tranh chống tham nhũng chưa rõ ràng, thậm chí chồng chéo, thiếu một cơ chế phối hợp cụ thể, hữu hiệu.

Thiếu các công cụ phát hiện và xử lý tham nhũng hữu hiệu. Những năm qua, hoạt động điều tra, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát đã thu được một số kết quả tích cực nhưng trên thực tế vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Vai trò của các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa được phát huy một cách đầy đủ vai trò và chức năng của mình: Các cơ quan bảo vệ pháp luật ở Việt Nam bao gồm nhiều cơ quan như Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Thanh tra, Công an,...là những cơ quan mà có thể phát hiện và xử lý các vấn đề liên quan đến trật tự xã hội và bảo vệ pháp luật trong đó có xử lý nạn tham nhũng. Một số vụ việc khi báo chí đưa tin thì các cơ quan này mới điều tra tìm hiểu. Có thể thấy những cơ quan, người được nhà nước giao nhiệm vụ đã không tích cực chủ động trong việc

ngăn chặn những mầm mống tham nhũng phát sinh từ trong quá trình thực thi quyền lực của những quan chức đó. Nói cách khác, công tác giám sát và xử lý các hành vi tham nhũng là chưa làm tốt vai trò và chức năng mà nhà nước giao phó.

Việc huy động lực lượng đông đảo của nhân dân cũng như sự tham gia của lực lượng báo chí vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng chưa được quan tâm đúng mức. Báo chí vừa có tác dụng cảnh báo những nơi có nguy cơ tham nhũng, vừa tham gia phát hiện và đặc biệt là tạo nên dư luận mạnh mẽ đòi xử lý tham nhũng. Vì những lý do khác nhau mà một số cơ quan còn e ngại trước sự tham gia của báo chí, hoặc là vì bản thân sự thông tin đôi khi không chính xác hoặc không đúng thời điểm đã gây khó khăn cho việc phát hiện và xử lý triệt để các vụ việc tham nhũng. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội về tham nhũng và đấu tranh chống tham nhũng mặc dù đã nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước nhưng chưa tạo ra một sự chuyển biến tích cực trong ý thức xã hội trong việc phản ứng với tệ nạn tham nhũng cũng như đề cao ý thức trách nhiệm của người dân trong việc tham gia vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

#### *1.2.2.3 Theo nguồn gốc hình thành nguyên nhân và điều kiện*

##### *Nguyên nhân và điều kiện thuộc môi trường sống bên ngoài:*

Do cuộc sống, áp lực công việc, môi trường sống xung quanh: mặt trái (bản chất) của nền kinh tế thị trường và sự phân cực giữa các giai tầng trong xã hội ngày càng sâu sắc làm cho các giá trị đạo đức bị đảo lộn. Đồng tiền đang lên ngôi trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Khi đồng tiền được xem là “thước đo của vạn vật” thì các giá trị đạo đức, nhân phẩm sẽ đứng trước bờ vực. C. Mác từng cảnh báo: “*Trong xã hội tư bản đồng tiền là một vấn đề trung tâm của mọi quan hệ cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè đều bị chìm chết trong dòng nước băng giá của đầu óc vị kỷ*” và khẳng định: “Tất cả những mối liên hệ phức tạp và muôn màu muôn vẻ ràng buộc con người phong kiến đều bị giai cấp tư sản thẳng tay phá vỡ, không để lại giữa người và người một mối quan hệ nào khác, ngoài mối lợi lạnh lùng với “lời trả tiền ngay” tiền trao cháo múc không tình nghĩa”. Việc chạy theo sức mạnh của đồng tiền làm cho một bộ phận không nhỏ cán bộ đi ngược lại truyền thống văn hóa của dân tộc. Có không ít tổ chức, cá nhân vì những mục tiêu riêng để tồn tại trong cuộc cạnh tranh khốc liệt đã dùng mọi thủ đoạn, trong đó có thủ đoạn hối lộ được sử

dụng phổ biến nhất. Hơn nữa, chính sách tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ các nhân viên công quyền chưa thỏa đáng (chính sách tiền lương) là nguyên nhân góp phần thúc đẩy mọi người cần phải kiếm thêm để bù đắp cho gia đình họ làm cho tình trạng tham nhũng phát triển và lan rộng.

Do lối sống “ăn bám”, ỷ lại, lười lao động, thích hưởng thụ của một bộ phận, tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là giới trẻ ngày nay. Chính lối sống này kết hợp với bản chất ích kỷ, đam mê lợi ích vật chất của các bậc phụ huynh, cán bộ, công chức,... là chất xúc tác để thúc đẩy con người ta lao vào các “phi vụ” phạm pháp. Lối sống hưởng thụ len lỏi vào các cơ quan công quyền thể hiện ở sự quan liêu và suy đồi của không ít cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; cống hiến thì ít mà muốn hưởng thụ thì nhiều, nên sách nhiễu, làm khó để vòi vĩnh, “gợi ý”, “lót đường”, “rải thảm”.

Môi trường làm việc là điều kiện khách quan ảnh hưởng đến sự suy thoái đạo đức. Hiện tượng đút lót, quà cáp để vụ lợi trong các cơ quan công quyền không phải là điều quá xa lạ và diễn ra ở hầu hết mọi nơi. Trong một môi trường như vậy, nếu như không “nhập gia tùy tục”, người ta sẽ bị hút tung khỏi “vòng xoáy cuộc đời”. Nguyên nhân này dần dần hình thành hiện tượng tham nhũng tập thể, khi có thanh tra, kiểm tra thì bao che lẫn nhau, dẫn đến việc khó khăn trong vấn đề phòng, chống tham nhũng ở nước ta.

*Nguyên nhân và điều kiện thuộc cá nhân người phạm tội:*

Do lòng tham đam mê lợi ích cũng là nguyên nhân làm phát sinh tham nhũng. Đam mê lợi ích không phải lúc nào cũng xấu, nhưng để lòng tham dẫn dắt, che mờ lý trí, điều khiển hành động và vì lợi ích của bản thân mà chà đạp lên lợi ích của tập thể, cộng đồng và quần chúng nhân dân. Mọi hành vi tham nhũng dù dưới hình thức nào chẳng nữa đều có thể quy về “lợi ích cá nhân”. Lợi ích nhóm cũng xuất phát từ lợi ích cá nhân mà ra. Nếu không vì lợi ích của bản thân thì chẳng ai còn muốn tham nhũng nữa. Vì lợi ích cá nhân, người ta có thể làm tất cả, bất chấp mọi thủ đoạn, mọi hậu quả để đạt được dù hành vi đó là vi phạm đạo đức, pháp luật, hay vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng.

Sự thiếu gương mẫu của không ít cán bộ lãnh đạo, quản lý, kể cả ở cấp cao. Tổng kết phòng ngừa, răn đe của người xưa để phòng tránh đã không tránh được, lại

hiện hình trong bộ máy, trong những người nắm giữ chức, quyền ngày nay. Tình trạng hư danh, hám danh, tham chức, tham quyền, trục lợi kèm theo sự suy đồi đạo đức của một số cán bộ Đảng viên vẫn còn. Trong khi đó dư luận xã hội tích cực phát triển một cách yếu ớt, không tạo được áp lực đủ mạnh chống tham nhũng.

### **1.3. Cơ chế tác động làm phát sinh hành vi tội phạm tham nhũng**

Theo GS.TS. Nguyễn Ngọc Hoà khi bàn về nguyên nhân của tội phạm cũng đưa ra một mô hình khá thuyết phục về sự hình thành nguyên nhân làm phát sinh tội phạm: *“Nghiên cứu nguyên nhân của tội phạm là nghiên cứu cơ chế tác động của môi trường xã hội đến con người để hình thành nhân cách của họ cũng như nghiên cứu cơ chế tác động qua lại giữa nhân cách đó và môi trường để hình thành ý định thực hiện hành vi phạm tội và kết quả là tội phạm xảy ra trong điều kiện nhất định”*[13,tr.239]

#### **1.3.1 Khái niệm**

Theo từ điển Nga – Việt, cơ chế (МЕХАНИЗМ) là “máy móc, bộ máy, cơ chế, cơ cấu”. Theo Đại từ điển tiếng Việt (Nguyễn Như Ý chủ biên) thì: *“Cơ chế là cách thức, sắp xếp tổ chức để làm đường hướng, cơ sở theo đó mà thực hiện”* [36,tr.463]. Theo GS, TS Triết học Phạm Ngọc Quang, *“Cơ chế là khái niệm dùng để chỉ một chuỗi những khâu liên kết với nhau theo một lôgic nhất định nhờ vậy mục tiêu được thực hiện”*. Từ cách giải nghĩa cơ chế nêu trên về cơ chế hiện thực hóa mục tiêu lãnh đạo của Đảng, GS, TS. Phạm Ngọc Quang cho rằng: *“Cơ chế được hiểu là một chu trình đi từ đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng tới những thay đổi trong thực tế cuộc sống”*.

Từ cách giải thích trên, cơ chế tác động làm phát sinh tội phạm tham nhũng được hiểu *“là một chuỗi những khâu liên kết các yếu tố tác động của môi trường xã hội đến con người để hình thành nhân cách của họ cũng như nghiên cứu cơ chế tác động qua lại giữa nhân cách đó và môi trường để hình thành ý định thực hiện hành vi phạm tội tham nhũng và kết quả là tội phạm tham nhũng xảy ra trong điều kiện nhất định”*

#### **1.3.2 Các yếu tố tác động trong cơ chế**

Tội phạm phát sinh không đơn thuần chỉ do một nguyên nhân mà luôn do nhiều nguyên nhân kết hợp với nhau. Trong hầu hết các tài liệu nghiên cứu về tội

phạm học hiện nay, khi đề cập nguyên nhân của tội phạm tham nhũng, các tác giả đều thống nhất cho rằng tội phạm phát sinh là do nhiều yếu tố. Mặc dù vậy, các tác giả vẫn chưa có sự thống nhất về các yếu tố đóng vai trò là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm tham nhũng cũng như cơ chế tác động của những yếu tố này. Có quan điểm cho rằng: “Các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể là những nhân tố xã hội thuộc về cá nhân và những tình huống, môi trường bên ngoài trong sự tương tác lẫn nhau của chúng quyết định sự hình thành động cơ và sự quyết tâm thực hiện tội phạm tham nhũng” [12,tr.113,114]. Theo quan điểm này, nguyên nhân làm phát sinh tội phạm tham nhũng là sự tương tác giữa “Những nhân tố xã hội thuộc về cá nhân” với “những tình huống, môi trường bên ngoài”.

Quan điểm khác khẳng định: “Cá nhân người phạm tội với môi trường bên ngoài có mối quan hệ đặc biệt hữu cơ, biện chứng với nhau, chứ không phải hoàn toàn tách rời. Chính môi trường bên ngoài đã tác động vào con người cụ thể để tạo cho họ có phẩm chất cá nhân tiêu cực. Những đặc điểm tiêu cực khi đã có sẵn trong cá nhân con người khi gặp điều kiện thuận lợi sẽ làm nảy sinh ý thức thực hiện tội phạm tham nhũng”. Quan điểm này đã cho thấy một cơ chế tác động phức tạp hơn trong việc làm phát sinh tội phạm tham nhũng. Đầu tiên, “môi trường bên ngoài” tác động vào “con người cụ thể” để tạo ra “những phẩm chất cá nhân tiêu cực”. Sau đó, “những phẩm chất cá nhân tiêu cực” sẽ tác động với “các điều kiện thuận lợi làm phát sinh tội phạm tham nhũng”.

Quan điểm khác lại cho rằng: “... tội phạm với tính cách là một hiện tượng xã hội, nó có quan hệ với nhiều hiện tượng và quá trình xã hội khác, trong đó có cả những hiện tượng và quá trình xã hội tích cực và cả những hiện tượng và quá trình xã hội tiêu cực. Ngoài ra, tội phạm lại là hành vi của những con người cụ thể nên nó cũng chịu sự tác động, chịu sự chi phối bởi các yếu tố thuộc về chính cá nhân của con người đó”. Theo quan điểm này thì tội phạm tham nhũng phát sinh một mặt chịu sự tác động của các nhân tố chủ quan nằm trong chính cá nhân con người, mặt khác chịu sự tác động của các nhân tố khách quan là các hiện tượng và quá trình xã hội. Đặc biệt quan điểm này cho rằng không chỉ các hiện tượng, quá trình xã hội tiêu cực có tác động đến việc phát sinh tội phạm tham nhũng mà cả các hiện tượng, quá trình xã hội tích cực cũng tác động đến việc phát sinh tội phạm tham nhũng.

Theo GS.TS. Võ Khánh Vinh: “... những điều kiện, những yếu tố của môi trường bên ngoài hay những quá trình tâm lí bên trong con người, dù ở mức độ bất lợi và xấu như thế nào đi chăng nữa, tự nó đều không phải là nguyên nhân và điều kiện của hành vi phạm tội cụ thể, mà phải là sự tương tác, kết hợp của hai loại yếu tố đó mới trở thành nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể”[35, tr.112,113]. Rõ ràng chỉ trên cơ sở sự tác động qua lại giữa các nhân tố chủ quan với các nhân tố khách quan mới có thể làm phát sinh tội phạm nói chung và tội phạm tham nhũng nói riêng. Một người dù có những phẩm chất, nhân cách xấu đến mấy nhưng nếu không có những yếu tố bên ngoài môi trường thuận lợi thì cũng không thể phát sinh tội phạm và ngược lại, những yếu tố môi trường dù thuận lợi đến mấy, nếu như con người không có những phẩm chất, nhân cách xấu thì cũng không thể phát sinh hành vi phạm tội. Quan điểm này cũng đã được GS.TS. Đỗ Ngọc Quang khẳng định: “*Tình huống, hoàn cảnh cụ thể dù có phức tạp đến đâu chăng nữa cũng không thể làm phát sinh tội phạm nếu như ở một người cụ thể trước đó chưa hình thành (không có) những phẩm chất cá nhân tiêu cực. Tội phạm chỉ có thể được thực hiện khi một con người đã chứa đựng trong mình những phẩm chất cá nhân tiêu cực, nếu gặp những tình huống, hoàn cảnh thuận lợi thì dễ dàng thực hiện tội phạm*”[15,tr182,183]

### ***1.3.3. Các khâu cơ bản trong cơ chế làm phát sinh hành vi tội phạm***

GS.TS. Nguyễn Ngọc Hoà khi bàn về nguyên nhân của tội phạm cũng đưa ra một mô hình khá thuyết phục về sự hình thành nguyên nhân làm phát sinh tội phạm: “*Nghiên cứu nguyên nhân của tội phạm là nghiên cứu cơ chế tác động của môi trường xã hội đến con người để hình thành nhân cách của họ cũng như nghiên cứu cơ chế tác động qua lại giữa nhân cách đó và môi trường để hình thành ý định thực hiện hành vi phạm tội và kết quả là tội phạm xảy ra trong điều kiện nhất định*”[13,tr239]. Theo đó có thể thấy cơ chế hình thành nguyên nhân của tội phạm nói chung và tội phạm tham nhũng nói riêng bao gồm hai giai đoạn là giai đoạn hình thành nhân cách của con người và giai đoạn hình thành ý định thực hiện hành vi phạm tội và thực hiện hành vi phạm tội.

*Thứ nhất*, là giai đoạn tác động qua lại giữa môi trường bên ngoài tiêu cực với các đặc điểm bên trong của cá nhân để hình thành các đặc điểm nhân thân xấu (nhân cách lệch lạc) của con người.

*Thứ hai*, là giai đoạn tác động qua lại giữa các đặc điểm nhân thân xấu của con người với tình huống tiêu cực cụ thể của môi trường bên ngoài làm phát sinh tội phạm tham nhũng.

Hai giai đoạn này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và mỗi giai đoạn đều có sự tác động qua lại giữa các yếu tố của môi trường bên ngoài với các yếu tố bên trong con người. Sự hình thành nhân cách của con người chính là giai đoạn tạo tiền đề cho giai đoạn phát sinh tội phạm.

### **Kết luận Chương 1**

Chương 1 của luận văn đã trình bày những vấn đề lý luận chung về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm về tham nhũng. Nội dung chương 1 đã xác định khái niệm của tội phạm tham nhũng, kết hợp với các phương pháp phân tích dưới góc độ tội phạm học, chương 1 đã cho thấy được các đặc điểm của tội phạm tham nhũng. Ngoài ra, trong chương này luận văn còn đưa ra được khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng, phân loại được các nguyên nhân và điều kiện cụ thể làm phát sinh tình hình tội phạm tham nhũng cũng như cơ chế tác động làm phát sinh ra nó.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI PHẠM VỀ THAM NHƯNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

#### **2.1 Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng**

Để phòng, chống tội phạm tham nhũng có hiệu quả thì cần phải chỉ ra được nguyên nhân, điều kiện phát sinh và phát triển của tội phạm. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tội phạm tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và tội phạm tham nhũng trong cả nước nói chung, tuy nhiên, chúng tôi xin tập trung phân tích, khái quát một số nguyên nhân, điều kiện cơ bản dẫn tới các tội phạm về tham nhũng xảy ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua (từ 2012 đến 2016).

##### **2.1.1 Nguyên nhân và điều kiện kinh tế xã hội**

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị loại đặc biệt, lớn nhất cả nước, có diện tích 2095,06 km<sup>2</sup>, là vùng chuyển tiếp giữa miền Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ; phía Bắc giáp Bình Dương; Tây Bắc giáp Tây Ninh; Đông và Đông Bắc giáp Đồng Nai; Đông Nam giáp Bà Rịa - Vũng Tàu; Tây và Tây Nam giáp Long An và Tiền Giang. Ở vị trí tâm điểm của khu vực Đông Nam Á, Thành phố Hồ Chí Minh là một đầu mối giao thông quan trọng về cả đường bộ, đường thủy và đường hàng không, nối liền các tỉnh trong vùng, đồng thời còn là cửa ngõ quốc tế với hệ thống cảng và sân bay lớn nhất cả nước.

Thành phố Hồ Chí Minh còn là địa phương có số đơn vị hành chính cấp huyện nhiều hơn các tỉnh, thành phố khác và là nơi có số dân cao nhất nước. Hiện tại, Thành phố có tổng số 24 quận, huyện (19 quận và 5 huyện) với 322 đơn vị xã, phường và thị trấn. Theo kết quả điều tra dân số, tính đến ngày 01/4/2014, Thành phố có số dân là 7.955.000 người, tuy nhiên nếu tính cả những người cư trú không đăng ký thì dân số thực tế của Thành phố vượt trên 10 triệu người, lực lượng dân cư sống tập trung chủ yếu ở nội thành.

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, xã hội lớn nhất nước ta, giữ vai trò là đầu tàu kinh tế của cả nước. Thành phố chiếm 0,6% diện tích và 8,34% dân số của Việt Nam nhưng chiếm tới 20,2% tổng sản phẩm, 27,9% giá trị sản xuất nông nghiệp và 34,9% dự án nước ngoài. Nằm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Nam của Tổ quốc, nền kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh đa dạng về lĩnh vực, từ khai thác

mỏ, thủy sản, nông nghiệp, công nghiệp chế biến, xây dựng đến du lịch, tài chính ngân hàng... Trong đó, các ngành kinh tế, dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất 59,6%, công nghiệp và xây dựng chiếm 39,4%, nông nghiệp chiếm 1%. Về cơ cấu kinh tế: Khu vực nhà nước chiếm 33,3%, ngoài quốc doanh chiếm 44,6%, phần còn lại là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là khu vực kinh tế năng động nhất, có tốc độ phát triển nhanh nhất cả về số lượng và vốn đầu tư. Theo số liệu thống kê năm 2009, Thành phố có 29.263 doanh nghiệp ngoài nhà nước mới được cấp phép thành lập, gồm 1.256 doanh nghiệp tư nhân; 3.260 công ty cổ phần và 11.845 công ty trách nhiệm hữu hạn trên địa bàn. Đến nay, Thành phố đã có trên 238.000 doanh nghiệp, hơn 250.000 hộ kinh doanh cá thể; hơn 5.330 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư khoảng 36,6 tỷ USD.

Là một trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, Thành phố Hồ Chí Minh không những có số lượng lớn các cơ quan, doanh nghiệp của địa phương mà còn có rất nhiều cơ quan, doanh nghiệp của Trung ương và các địa phương khác, các cơ quan, tổ chức nước ngoài đóng trên địa bàn, vì vậy, đã thu hút nhiều người lao động từ các địa phương khác, người nước ngoài đến sống và làm việc tại Thành phố và các vùng phụ cận, trong đó có cả những người đã từng có tiền án, tiền sự đã làm cho các mối quan hệ xã hội trở nên đa dạng và phức tạp hơn.

Việc nhanh chóng chuyển mình từ nền kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã giúp cho Thành phố Hồ Chí Minh có mức tăng trưởng kinh tế khá cao, đời sống nhân dân nhanh chóng được cải thiện, tốc độ đô thị hóa nhanh...

Tuy nhiên, bên cạnh sự phát triển về mặt kinh tế, xã hội, Thành phố cũng không tránh khỏi những mặt trái của nền kinh tế thị trường như: Xu hướng kiếm tiền, làm giàu bằng mọi giá dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh, sự phân hóa giàu nghèo, hiện tượng “vật chất hóa” các quan hệ xã hội ... đã làm thay đổi các chuẩn mực, giá trị đạo đức truyền thống và tác động tiêu cực đến quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Bởi lẽ, trong điều kiện cơ chế thị trường mới được hình thành, các chính sách kinh tế, chính sách xã hội của thành phố còn có những sơ hở, thiếu sót, một số chính sách kinh tế, chính sách pháp luật

chưa có sự đồng bộ, chế độ báo cáo thống kê, kiểm toán về kinh tế tài chính chưa thật sự chặt chẽ, trong khi đó, một số cán bộ chủ chốt của thành phố còn thiếu kinh nghiệm, kiến thức trong công tác lãnh đạo quản lý, nhất là quản lý kinh tế, thậm chí còn bị suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống nên đã bị nhiều cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân lợi dụng để trục lợi. Đây chính là môi trường thuận lợi cho tệ tham nhũng và các tội phạm kinh tế khác ở Thành phố Hồ Chí Minh phát triển.

Việc nhanh chóng chuyển sang kinh tế thị trường đã làm cho chính sách quản lý kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh không theo kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Những ảnh hưởng của tư duy kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp trước đây vẫn còn chi phối các quan hệ quản lý kinh tế, xã hội gây nên sự yếu kém, bất cập trong quản lý kinh tế ở một số phương diện như chính sách, pháp luật, công cụ quản lý, kế hoạch, tài chính... Đây chính là nguyên nhân cơ bản làm phát sinh, phát triển tội phạm tham nhũng.

Trong nền kinh tế thị trường, nguyên tắc phân phối theo lao động là cơ sở có hiệu quả nhất của việc tổ chức sản xuất, trao đổi và phân phối sản phẩm nhưng cũng góp phần đẩy nhanh tốc độ phân hóa giàu nghèo. Người lao động ở các ngành nghề, các thành phần kinh tế khác nhau, các địa bàn khác nhau thì có thu nhập cũng khác nhau. Đây là nguyên nhân làm nảy sinh các loại tham vọng ích kỷ khác nhau nhằm có được các thu nhập, phúc lợi vật chất không tương xứng với năng lực và công tác của bản thân nên dẫn đến những hành vi tham nhũng để bòn rút lao động của người khác trong xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, có thể thấy, những đặc điểm về địa lý, dân cư, kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh là những yếu tố ảnh hưởng tới tình hình tội phạm tham nhũng trên địa bàn Thành phố trong thời gian qua và sẽ tiếp tục tác động mạnh mẽ đến xu hướng phát triển của loại tội phạm này trong những năm tiếp theo. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa tội phạm tham nhũng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, các cơ quan chức năng cần phải tính đến các yếu tố đó trong quá trình triển khai các biện pháp phòng, chống loại tội phạm nguy hiểm này.

### ***2.1.2 Nguyên nhân và điều kiện chính trị - tư tưởng***

Một là, giữa quyết tâm chính trị với hành động thực tiễn trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng nhất là phòng ngừa tội phạm tham nhũng của nhiều

cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị của 24 quận huyện của Thành phố còn có khoảng cách, nói không đi đôi với làm. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc nghĩa ý của công tác phòng ngừa vi phạm, tội phạm, chưa quán triệt triệt để chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước ta trong đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm tham nhũng nói riêng là lấy phòng ngừa làm cơ bản và “Kết hợp chặt chẽ phòng ngừa tội phạm với tấn công tội phạm, coi phòng ngừa và giáo dục cải tạo là biện pháp cơ bản trong việc ngăn ngừa và đẩy lùi tội phạm”. Do đó, chưa thực sự quan tâm đúng mức tới việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đôn đốc công tác phòng ngừa; việc quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức còn yếu; chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn thể dân tộc trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; việc thực thi pháp luật không nghiêm;

*Hai là*, trong hoạt động chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện chưa thể hiện rõ quyết tâm chính trị cao đối với công tác phòng, chống tham nhũng: Biểu hiện cụ thể là, không ít cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức chưa thường xuyên và thực sự quan tâm tới công tác phòng, chống tham nhũng; một số nơi, chương trình hành động, kế hoạch triển khai thực hiện còn sơ sài, hình thức; thiếu kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết để đánh giá chính xác thực trạng tình hình tội phạm đặc biệt là tội phạm tham nhũng để kịp thời đưa ra giải pháp phòng, chống.

*Ba là*, công tác xây dựng và ban hành văn bản quy định, hướng dẫn, góp phần hoàn thiện thể chế về phòng, chống tham nhũng của Thành phố còn chậm và chưa đồng bộ, một số quy định thiếu tính khả thi: Nhiều quy định, quy chế, đề án về phòng, chống tham nhũng triển khai chậm tiến độ so với kế hoạch đã đề ra. Tiến độ xây dựng các văn bản theo Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 còn chậm. Một số quy định thiếu tính khả thi trong thực hiện nhưng chậm được điều chỉnh. Cơ chế về quản lý chưa đáp ứng yêu cầu công tác. Chẳng hạn như, từ năm 2011, Ủy ban nhân dân Thành phố đang giao cho các sở, ngành chức năng triển khai xây dựng một số quy định, quy chế nhằm hoàn thiện thể chế về phòng, chống tham nhũng nhưng tới nay vẫn chưa được ban

hành. Điển hình như: Quy định về minh bạch hóa quá trình soạn thảo, trình, ban hành chính sách, pháp luật, quá trình chuẩn bị, trình, ban hành văn bản hành chính, cá biệt (Sở Tư pháp dự thảo); Quy định về xử lý nghiêm hành vi hối lộ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong việc tham gia đấu thầu, đấu giá, hành vi gian lận thương mại; hành vi tham nhũng của các cơ quan, đơn vị chuyên trách chống tham nhũng, công bố công khai danh tính các cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm (Sở Tư pháp phối hợp với Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính và Công an Thành phố dự thảo); Quy định về công khai việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn sử dụng tài sản công của cán bộ, công chức, người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị; Quy định về thực hiện chế độ kiểm toán định kỳ, bắt buộc đối với mọi loại hình doanh nghiệp (Sở tài chính phối hợp với Sở Nội vụ dự thảo); Quy chế công khai, minh bạch các quyết định trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án (Công an Thành phố phối hợp với Thanh tra Nhà nước, Sở Tư pháp và Văn phòng UBND Thành phố dự thảo) nhưng cho đến nay các quy định, quy chế này vẫn chưa được ban hành.

### ***2.1.3 Nguyên nhân và điều kiện văn hóa, giáo dục***

Đảng ta đã khẳng định giáo dục là quốc sách hàng đầu nhưng chính sách, mục tiêu này bị buôn lỏng, công tác giáo dục về vấn đề tham nhũng trên địa bàn thành phố vẫn còn bất cập chưa tốt. Tham nhũng một phần đã được mang theo vào nhà trường, “*rèn*” ngay khi thi tuyển vào và “*luyện*” trong quá trình ở nhà trường, những nơi có môi trường giáo dục thấp kém. Những cán bộ đã lọt qua môi trường đào tạo như thế không thể là những hạt giống tốt, càng không thể là những hạt nhân chống tham nhũng. Bởi hạt giống đó mang mầm bệnh tham nhũng và căn bệnh đó sẽ nảy mầm theo hạt giống.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng tại thành phố Hồ Chí Minh chưa thực sự đồng đều, thường xuyên, liên tục và thiếu chiều sâu:

*Một là*, Việc tuyên truyền, giáo dục về phòng chống tham nhũng mới chỉ tập trung vào đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức. Nội dung, hình thức tuyên truyền chưa thật sự phong phú, đa dạng, phù hợp; ở một số nơi còn mang tính hình thức, thiếu tính chiến đấu. Các phương tiện truyền thông đưa tin chủ yếu về các vụ việc, vụ án tham nhũng đã được phát hiện nhưng tỷ lệ tin, bài nêu gương điển hình và

tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, quy định chiếm thời lượng thấp (chỉ có 5 phút/bài/1 lần phát sóng); số chuyên trang, chuyên mục về phòng, chống tham nhũng còn ít và chưa duy trì thường xuyên; cá biệt còn có biểu hiện thông tin phản ánh không đầy đủ, không đúng bản chất vụ việc, vụ án nên không mang lại hiệu quả giáo dục cao trong cộng đồng.

Hai là, hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật, tuyên truyền, giáo dục pháp luật đặc biệt là pháp luật liên quan đến phòng chống tham nhũng chưa được các cơ quan, các cấp, các ngành chú ý đúng mức, nhiều cán bộ, công chức không nắm được những quy định cơ bản trong Pháp lệnh chống tham nhũng và những quy định của Bộ luật hình sự về tội phạm tham nhũng. Ở một số cơ quan lãnh đạo không muốn tổ chức triển khai, thực hiện pháp luật về phòng chống tham nhũng ở đơn vị mình, hoặc triển khai qua loa, cho có vì nó đụng chạm đến chính bản thân người lãnh đạo đó. Từ thực trạng nguyên nhân này mà trên thực tế nhiều người có hành vi tham nhũng song không ý thức được đầy đủ hành vi của mình. Một số người cũng không hiểu biết pháp luật mà chưa thấy được trách nhiệm của mình trong việc phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng.

#### ***2.1.4 Nguyên nhân và điều kiện tổ chức, quản lý xã hội***

Một số cơ chế, chính sách, quy định của Thành phố về quản lý kinh tế - xã hội còn sơ hở, thiếu đồng bộ, dễ bị lợi dụng; một số quy định của pháp luật liên quan tới việc phát hiện, xử lý tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng, khen thưởng và bảo vệ người tố cáo tham nhũng chưa đầy đủ, chậm được ban hành hoặc khi ban hành rồi thì lại nảy sinh vướng mắc, bất cập trong tổ chức thực hiện hoặc chưa đủ sức răn đe đối với hành vi tham nhũng;

Việc triển khai thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng ở một số cơ quan, tổ chức, đơn vị của 24 quận huyện của Thành phố chưa nghiêm túc, hiệu quả của nhiều giải pháp còn thấp: Công tác cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý còn nhiều hạn chế; năng lực, ý thức, phẩm chất của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, viên chức còn yếu kém; hiện tượng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp còn xảy ra ở nhiều lĩnh vực và đang là vấn đề bức xúc của xã hội hiện nay. Việc công khai, minh bạch trong nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa trở thành nền nếp thường xuyên; một số quy định về minh bạch trong

thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử chưa được triển khai đầy đủ. Việc xây dựng và thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp ở một số nơi trên địa bàn thành phố còn mang tính hình thức. Việc chuyển đổi vị trí công tác ở nhiều nơi còn nhầm lẫn với luân chuyển và điều động cán bộ. Việc thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập đạt hiệu quả thấp, còn mang tính hình thức. Xử lý trách nhiệm người đứng đầu chưa phản ánh đúng thực trạng tình hình, còn có sự nhầm lẫn giữa xử lý người đứng đầu khi có sai phạm và xử lý trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách

#### ***2.1.5 Nguyên nhân và điều kiện về pháp luật và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tham nhũng***

Các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật chưa đầy đủ hoặc quy định không rõ ràng, dẫn đến quan điểm giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án đôi khi trái ngược nhau về đánh giá chứng cứ, xác định tội danh, xác định khung hình phạt. Điển hình như, chưa có hướng dẫn cách tính tài sản Nhà nước thiệt hại đối với một số doanh nghiệp Cổ phần có vốn góp của Nhà nước để xử lý đối với các tội như “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, “Tham ô tài sản”... Bên cạnh đó, chưa có quy định cụ thể hướng dẫn các cơ quan tố tụng trong việc kê biên tài sản của đương sự để đảm bảo thi hành án nên đến giai đoạn thi hành án nhiều tài sản đã bị tẩu tán, chuyển dịch trước thời điểm bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Chỉ còn những tài sản có giá trị nhỏ, không đáng kể, không đủ bảo đảm thi hành án. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể, quần chúng nhằm phát hiện kịp thời các hành vi tham nhũng và tài sản bất minh của các đối tượng liên quan tham nhũng.

Một số vụ việc, vụ án chưa có sự phối hợp tốt giữa cơ quan Thanh tra với cơ quan tiến hành tố tụng như việc chuyển giao vụ việc có dấu hiệu phạm tội sang Cơ quan điều tra để xem xét khởi tố hình sự hoặc giữa các cơ quan tiến hành tố tụng như nhận định, đánh giá chứng cứ, tội danh, quan điểm xử lý vụ án... dẫn đến việc xử lý một số vụ việc, vụ án khiếu kiện quyết, kéo dài;

Công tác phát hiện và xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng còn hạn chế; số vụ án được phát hiện còn ít: Trong 5 năm qua, có 12 địa phương, qua công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo không chuyển sang cơ quan điều tra vụ việc

tham nhũng nào để xem xét, xử lý hình sự. Việc phát hiện tham nhũng của các cơ quan giám sát, cơ quan quản lý hành chính cấp trên và tự phát hiện của các cơ quan, tổ chức, đơn vị vẫn còn yếu kém. Các biện pháp phát hiện tham nhũng chưa được thực hiện đồng bộ, chủ yếu vẫn qua đơn tố cáo của quần chúng, qua phát hiện của cơ quan báo chí hoặc hoạt động của các cơ quan chức năng.

Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử nhiều vụ án tham nhũng còn hạn chế; có biểu hiện hữu khuynh, nể nang, lạm dụng việc bồi thường, khắc phục hậu quả để xử lý hành chính. Theo báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Công an, Viện kiểm sát và Tòa án Thành phố thì:

- Công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm tham nhũng và khởi tố, điều tra các vụ án tham nhũng của Cơ quan điều tra đã có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên, kết quả hoạt động này vẫn còn nhiều hạn chế như tỉ lệ giải quyết tin báo, tố giác tội phạm tham nhũng của Thành phố chưa đạt chỉ tiêu Quốc hội đề ra là; việc điều tra vụ án tham nhũng còn kéo dài, số án tham nhũng bị trả lại để điều tra bổ sung chiếm tỉ lệ lớn (trong 5 năm, Viện kiểm sát trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra bổ sung 14 vụ/75 bị can; số vụ án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung là 21 vụ/ 117 bị can).

- Công tác kiểm sát điều tra, truy tố các vụ án tham nhũng của Viện kiểm sát cũng còn tồn tại tình trạng chưa bám sát tiến độ điều tra, chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ để yêu cầu điều tra kịp thời dẫn đến chất lượng hồ sơ truy tố chưa cao, còn phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì thiếu chứng cứ, phải thay đổi tội danh, chiếm tỉ lệ cao. Theo thống kê, trong 5 năm Tòa án Thành phố trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung 18 vụ/ 55 vụ án mà Viện kiểm sát truy tố chuyển Tòa án xét xử (chiếm tỉ lệ 38,18 %).

- Trong công tác xét xử án tham nhũng của Tòa án cũng còn có tình trạng xét xử nhẹ, không nghiêm minh, phổ biến là áp dụng mức hình phạt tù thấp hoặc cho hưởng án treo không đúng pháp luật, không có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm, gây bức xúc trong dư luận. Điển hình như: Vụ Nguyễn Thanh Xuân và đồng phạm (04 bị can) phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, Viện kiểm sát đề nghị mức án 13 – 15 năm tù đối với bị cáo Xuân, Tòa án xử phạt 8 năm tù; vụ Nguyễn Thị Thanh phạm tội “Tham ô tài sản” Viện kiểm sát đề nghị mức án 8 – 10 năm tù, Tòa án xử phạt 3 năm tù nên bị Viện kiểm sát kháng

ngiht tăng mức hình phạt và Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp nhận kháng nghị xữ tăng mức hình phạt theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Công tác phát hiện, điều tra, xử lý các tội phạm tham nhũng tại thành phố Hồ Chí Minh đa số các vụ việc, vụ án tham nhũng bị phát hiện, xử lý chủ yếu ở cấp cơ sở và chỉ là đối tượng thừa hành; số vụ việc, vụ án có quy mô lớn được phát hiện, xử lý còn ít. Nhiều vụ án tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng, có yếu tố nước ngoài, buộc phải yêu cầu tương trợ tư pháp, song việc yêu cầu nước ngoài, nhất là những nước mà Việt Nam chưa ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp gặp rất nhiều khó khăn, thường không có kết quả phản hồi hoặc rất chậm làm ảnh hưởng đến việc điều tra, truy tố, xét xử như vụ án Lê Dũng cùng đồng phạm (40 bị cáo) tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, “Đưa, nhận hối lộ”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” .... xảy ra tại Công ty Cổ phần Thực phẩm công nghệ Sài Gòn (Công ty CPCN Sài Gòn), Chi cục Hải quan Sài Gòn Khu vực 4 và Cửa khẩu Khánh Bình-An Giang. Việc ủy thác tư pháp cho các Cơ quan có thẩm quyền của Campuchia để phục vụ cho việc điều tra, giải quyết vụ án, đã hơn một năm vụ án đã đưa ra xét xử phân ủy thác vẫn chưa có kết quả....

Hiệu quả hoạt động của cơ quan phòng, chống tham nhũng còn thấp: Mô hình Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng chưa được sự thống nhất cao; hoạt động của Ban chỉ đạo ở các sở, ban, ngành, ở cấp quận, huyện, cấp cơ sở chưa rõ nét. Những quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Nội chính Thành ủy và Ban chỉ đạo Thành phố về phòng, chống tham nhũng mới dừng lại ở những quy định chung, thiếu các quy định cụ thể. Các đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng, mặc dù đã hoàn thiện về tổ chức, nhưng vẫn còn nhiều vướng mắc về mối quan hệ phối hợp trong hoạt động, thiếu các quy định có tính đặc thù; đội ngũ cán bộ còn hạn chế về năng lực, tính chuyên sâu.

Công tác giám sát về phòng, chống tham nhũng chưa thường xuyên, số cuộc giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp và các tổ chức đoàn thể còn ít, tác dụng và hiệu quả còn thấp, nhất là đối với Hội đồng nhân dân cấp quận, huyện. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong phòng, chống tham nhũng chưa thật sự được phát huy cao nhất.

Hoạt động giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng, xây dựng phục vụ công tác phòng, chống tham nhũng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc, vụ án tham nhũng. Điển hình như vụ Phạm Văn Minh tội “Tham ô tài sản”, từ lúc khởi tố vụ án ngày 17/6/2015 đến lúc kết thúc điều tra đề nghị truy tố ngày 28/9/2016 vẫn chưa có kết quả giám định tài chính (Ngân hàng tố cáo thiệt hại 17 tỷ, nhưng Minh chỉ thừa nhận hơn 7 tỷ), mặc dù Cơ quan điều tra đã 03 lần đề nghị Ngân hàng Nhà nước nhanh chóng xem xét kết luận để làm căn cứ xử lý vụ án nên Viện kiểm sát đã trả hồ sơ đến lần thứ 3 để bổ sung vấn đề trên.. Chính những nguyên nhân trên tạo điều kiện cho tội phạm trên địa bàn Thành phố phát triển.

#### ***2.1.6 Nguyên nhân trong tổ chức quản lý quyền lực, công tác minh bạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh***

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn nhất nước, không những có số lượng lớn các cơ quan, doanh nghiệp của địa phương mà còn có rất nhiều cơ quan, doanh nghiệp của Trung ương và các địa phương khác, các cơ quan, tổ chức nước ngoài đóng trên địa bàn, vì vậy, đã thu hút nhiều người lao động từ các địa phương khác, người nước ngoài đến sống và làm việc tại Thành phố và các vùng phụ cận. Nhưng công tác quản lý cán bộ, kiểm soát quyền lực trên địa bàn thành phố đôi lúc còn sơ hở, giao quyền lực nhưng thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát, dẫn đến những người có quyền lực tham ô, tham nhũng, hoặc vơ vét, những nhiều người dân gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Điển hình như vụ Huỳnh Trung Hiếu – Đội phó đội kiểm tra thuế số 4 Chi cục thuế Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh đã lợi dụng trách nhiệm được giao, nhận tiền hối lộ của doanh nghiệp để bỏ qua các lỗi sai phạm của Công ty giải trí Ngôi Sao; Vụ Lê Quốc Cường – Trưởng Ban quản lý giải phóng mặt bằng Quận 1, lợi dụng nhiệm vụ được giao, chỉ đạo cấp dưới làm sai quy định gây thất thoát trên 10 tỷ đồng tiền của Nhà nước.

Nhiệm vụ trọng tâm nữa của thành phố Hồ Chí Minh là đẩy mạnh cải cách hành chính; hoàn thiện các quy định xây dựng nền công vụ minh bạch, liêm chính, phục vụ, nhất là công khai, minh bạch trong đấu thầu, sửa đổi quy định về tặng quà và nhận quà tặng theo hướng tăng cường tính tự giác và có chế tài nghiêm khắc đối với cá nhân, tổ chức vi phạm. Hoàn thiện quy định về trách nhiệm của người đứng

đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị về phòng ngừa, phát hiện và xử lý bước đầu hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình. Một vấn đề khác là khắc phục những hạn chế của việc chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng. Hoàn thiện quy định về minh bạch tài sản, thu nhập nhằm kiểm soát chặt chẽ thu nhập và biến động tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; tăng cường thực hiện Đề án thanh toán không dùng tiền mặt, kiểm soát, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi trốn thuế, rửa tiền... Đây là một vấn đề rất quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

## **2.2 Tình hình nguyên nhân, điều kiện của tội phạm về tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Trong mối quan hệ nhân quả (nguyên nhân- điều kiện – kết quả) thì kết quả trong tội phạm học chỉ có thể là hiện tượng đó chính là tình hình tội phạm hoặc hành vi phạm tội (tội phạm cụ thể). Còn nguyên nhân của tình hình tội phạm (cái chung) hoặc hành vi phạm tội (cái riêng) phải là sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống và các yếu tố tâm sinh lý xã hội tiêu cực thuộc cá nhân con người trong những hoàn cảnh, tình huống nhất định. Do vậy, ở đây nghiên cứu tình hình tội phạm tham nhũng là nghiên cứu kết quả của những nguyên nhân, điều kiện nói trên

*“Tình hình tội phạm (hay còn gọi là tình trạng phạm tội) là hiện tượng xã hội tiêu cực, mang tính giai cấp và thay đổi theo quá trình lịch sử, được tổng hợp ở các tội phạm cụ thể đã xảy ra trong xã hội và trong khoảng thời gian nhất định”.* Theo đó, tình hình tội phạm tham nhũng ở Thành phố Hồ Chí Minh có thể được hiểu là một hiện tượng xã hội tiêu cực, được cấu thành bởi tổng thể các tội phạm thuộc nhóm tội phạm về tham nhũng đã xảy ra trên địa bàn Thành phố trong một khoảng thời gian nhất định.

Khi nghiên cứu, đánh giá về thực trạng tình hình tội phạm nói chung cũng như tình hình tội phạm tham nhũng xảy ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng cần phải dựa trên các thành tố liên quan đến bản chất của nó, bao gồm:

*Một là*, mức độ của tình hình tội phạm, trong đó phải xem xét toàn bộ tội phạm đã xảy ra, gồm có các tội phạm đã được phát hiện xử lý (Phần tội phạm rõ) và cả tội phạm không được phát hiện, xử lý (Phần tội phạm ẩn);

*Hai là, diễn biến (động thái) tăng lên hay giảm xuống của tình hình tội phạm qua từng năm;*

*Ba là, cơ cấu, tức là phải đánh giá được mối tương quan giữa các yếu tố khác nhau trong bức tranh tổng thể của tình hình tội phạm đó;*

*Bốn là, tính chất của tình hình tội phạm đã gây ra cho xã hội, để có một cái nhìn khách quan và tương đối toàn diện về thực trạng tình hình tội phạm tham nhũng ở Thành phố Hồ Chí Minh cần phải nghiên cứu, xem xét dưới hai góc độ: Phần tội phạm rõ, tức là phần tội phạm tham nhũng đã được cơ quan chức năng phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử và được đưa vào thống kê hình sự và cả phần tội phạm ẩn, bao gồm các tội phạm thực tế đã xảy ra mà không bị phát hiện, không bị xử lý bằng hình sự, hoặc không có trong thống kê tư pháp hình sự.*

### ***2.2.1 Mức độ của tình hình tội phạm tham nhũng***

Mức độ của tình hình tội phạm tham nhũng ở Thành phố Hồ Chí Minh được hiểu là các số liệu phản ánh tổng số tội phạm về tham nhũng cùng với số lượng người đã thực hiện tội phạm đó trên địa bàn Thành phố, trong một khoảng thời gian nhất định.

Như trên đã đề cập, thực trạng tình hình tội phạm tham nhũng được bộc lộ chủ yếu qua các số liệu thống kê tư pháp hình sự. Thông qua các con số thống kê hình sự, chúng ta có thể nắm bắt những thông tin chính xác, khoa học về thực trạng, xu hướng vận động (diễn biến) cũng như cơ cấu, tính chất của tình hình tội phạm tham nhũng – kết quả của nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh loại tội phạm này. Trong đề tài này, số liệu phản ánh tình hình tội phạm tham nhũng được khảo sát, đánh giá là số liệu thống kê tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến các tội phạm về tham nhũng từ năm 2012 đến năm 2016. Trong đó, tập trung phân tích, làm sáng tỏ nguyên nhân của tình hình tội phạm tham nhũng qua các thông số về mức độ, cơ cấu, diễn biến, tính chất của các tội phạm tham nhũng xảy ra trên địa bàn Thành phố trong 5 năm qua.

Theo số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 thì, tổng số vụ án và bị can về tội phạm tham nhũng xảy ra trên địa bàn bị khởi tố, điều tra là 54 vụ/170 bị can. Cụ thể là:

+ Năm 2012, khởi tố 15 vụ/ 40 bị can;

- + Năm 2013, khởi tố 10 vụ/ 28 bị can;
- + Năm 2014, khởi tố 13 vụ/ 18 bị can;
- + Năm 2015, khởi tố 7 vụ/ 59 bị can;
- + Năm 2016, khởi tố 9 vụ/ 25 bị can.

Như vậy, có thể thấy, năm 2012 là năm có số vụ phạm tội cao nhất (15 vụ) và năm có số bị can phạm tội cao nhất là năm 2015 với 59 bị can, trung bình mỗi năm khởi tố 10,8 vụ/34 bị can.

Để thấy rõ mức độ của tình hình tội phạm tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh, có thể so sánh số liệu trên với số liệu về vụ án và bị can phạm tội nói chung đã được khởi tố, điều tra trong cùng kỳ như sau:

**Bảng 2.1: So sánh số vụ án, bị can về tội phạm tham nhũng với tổng số vụ án và bị can nói chung tại Thành phố Hồ Chí Minh (Từ 2012 - 2016)**

| Năm         | Số vụ án/bị can nói chung (1) |               | Số vụ án/bị can về tội phạm tham nhũng (2) |            | Tỉ lệ (2) so với (1)<br>(Đơn vị %) |              |
|-------------|-------------------------------|---------------|--------------------------------------------|------------|------------------------------------|--------------|
|             | Số vụ                         | Số bị can     | Số vụ                                      | Số bị can  | Vụ án                              | Bị can       |
| 2012        | 9.118                         | 9.666         | 15                                         | 40         | 0,16 %                             | 0,41%        |
| 2013        | 9.536                         | 9.728         | 10                                         | 28         | 0,10 %                             | 0,29 %       |
| 2014        | 10.322                        | 10.066        | 13                                         | 18         | 0,13 %                             | 0,18 %       |
| 2015        | 9.350                         | 8.786         | 7                                          | 59         | 0,07 %                             | 0,67%        |
| 2016        | 8.640                         | 7.727         | 9                                          | 25         | 0,10 %                             | 0,32%        |
| <b>Tổng</b> | <b>46.966</b>                 | <b>45.973</b> | <b>54</b>                                  | <b>170</b> | <b>0,11 %</b>                      | <b>0,37%</b> |

(Nguồn: Phòng Thống kê tội phạm VKSND Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ số liệu thống kê trên có thể thấy rằng, số vụ phạm tội và số bị cáo phạm tội tham nhũng chiếm tỉ lệ rất nhỏ so với số vụ tội phạm và số bị cáo phạm tội nói chung trên địa bàn Thành phố. Trong 5 năm, chỉ có 54 vụ án/ 170 bị can phạm tội tham nhũng trong tổng số 46.966 vụ/ 45.973 bị can phạm tội nói chung (chiếm tỉ lệ tương ứng là 0,11 % và 0,37%). Trong đó, năm 2012 là năm chiếm tỉ lệ cao nhất là 0,16% và thấp nhất là năm 2015 chiếm tỉ lệ là 0,07%. Nhưng con số này, mới chỉ phản ánh phần nào thực trạng và nguyên nhân của tình hình tội phạm tham nhũng đã xảy ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thời gian qua. Bởi, thực trạng tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội phạm tham nhũng ở Thành phố Hồ Chí

Minh nói riêng bao giờ cũng là một chỉnh thể thống nhất gồm có hai phần: Phần tội phạm rõ và phần tội phạm ẩn. Theo khoa học pháp lý thì “phần ẩn của tình hình tội phạm là tổng thể các hành vi phạm tội (cùng các chủ thể thực hiện hành vi đó) đã xảy ra trên thực tế song không bị phát hiện, không bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự hoặc không có trong thống kê hình sự”. Phần ẩn của tình hình tội phạm là những thông số mà người ta dựa vào các phương pháp thống kê gián tiếp như thăm dò dư luận xã hội, điều tra xã hội học... Do đó số liệu tội phạm ẩn chỉ có giá trị tương đối và thực tế chiếm số lượng lớn trong tình hình tội phạm nói chung, bao gồm các tội phạm thực tế đã xảy ra nhưng không bị phát hiện hoặc không bị xử lý về hình sự, hoặc không có trong thống kê tội phạm.

Qua nghiên cứu chúng tôi thấy rằng, các tội phạm tham nhũng đều có độ ẩn rất cao. Trong cuốn sách “Tội phạm kinh tế thời mở cửa” các tác giả (GS. TS Nguyễn Xuân Yêm và PGS. TS Nguyễn Hòa Bình) nêu rõ: “Kết quả điều tra xã hội học của Bộ Công an cho thấy việc phát hiện tội phạm tham nhũng so với thực tế xảy ra còn rất thấp, 60% số người được hỏi ý kiến cho rằng tỷ lệ phát hiện từ 10 – 20%, 25% số người được hỏi cho rằng tham nhũng phát hiện được trên 20% và 15% cho rằng phát hiện được từ 30 – 40%” [11, tr. 272]. Khi được hỏi, đa số người được hỏi đều cho rằng những vụ án tham nhũng đã được phát hiện và xử lý thời gian qua mới chỉ là “phần nổi của tảng băng chìm” tội phạm tham nhũng đã xảy ra trên thực tế.

Tội phạm ẩn trong các tội phạm về tham nhũng có thể tồn tại dưới hai dạng cơ bản sau: Tội phạm ẩn tự nhiên, tội phạm ẩn nhân tạo.

Tội phạm ẩn tự nhiên là một khái niệm dùng để chỉ tất cả những tội phạm đã xảy ra trên thực tế nhưng các cơ quan chức năng như công an, kiểm sát, tòa án không phát hiện ra được vì không có thông tin gì về chúng.

Khác với tội phạm ẩn tự nhiên, tội phạm ẩn nhân tạo lại có nguồn gốc từ phía chủ thể áp dụng pháp luật. Đó là trường hợp những tội phạm thực tế xảy ra, cơ quan chức năng đã nắm được nhưng vì các nguyên nhân khác nhau mà hành vi phạm tội đó không bị xử lý theo pháp luật hoặc có thể do cơ quan tiến hành tố tụng đã không khởi tố vụ án theo đúng yêu cầu của pháp luật. Việc hành vi phạm tội đã bị phát hiện nhưng không bị xử lý theo pháp luật là do có một hành vi phạm tội khác che đậy.

Theo chúng tôi, cũng như tội phạm tham nhũng ở các địa phương khác, tội phạm tham nhũng ở Thành phố Hồ Chí Minh có độ ẩn cao do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

*Một là*, chủ thể của tội phạm tham nhũng là người có chức vụ, quyền hạn nhưng vì mục đích vụ lợi đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi phạm tội. Hơn nữa họ có nhiều mối quan hệ xã hội khác nhau nên rất khó phát hiện, điều tra các hành vi phạm tội của họ.

*Hai là*, do chủ thể tội phạm tham nhũng là những người có chức vụ, quyền hạn và đa số là lãnh đạo, quản lý nên cấp dưới hoặc những người khác có biết thông tin về tham nhũng cũng ít khi dám tố cáo, khai báo vì sợ bị trù dập, trả thù.

*Ba là*, do chủ thể tội phạm thường là những người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, có nhiều hiểu biết về kiến thức kinh tế, xã hội nên có thể thực hiện hành vi phạm tội một cách tinh vi, xảo quyệt dẫn đến khó phát hiện.

*Bốn là*, do trình độ, năng lực của cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật còn hạn chế, nhất là các kiến thức về kinh tế, tài chính, ngoại ngữ, vi tính...nên khó có thể phát hiện được hành vi tham nhũng của những đối tượng đã lợi dụng nghề nghiệp chuyên môn để trục lợi trong các lĩnh vực tài chính, chứng khoán, đầu tư nước ngoài...

*Năm là*, do buông lỏng công tác thanh tra, kiểm tra hoặc ở một số cơ quan, đơn vị lãnh đạo còn có biểu hiện bao che cho hành vi tham nhũng vì lợi ích nhóm hoặc muốn giữ uy tín cho cơ quan, tổ chức.

Như vậy, có thể thấy rằng, mặc dù loại tội phạm tham nhũng được đưa ra điều tra, truy tố, xét xử không nhiều so với tổng số tội phạm xảy ra hàng năm trên toàn Thành phố nhưng lại có diễn biến phức tạp và tính chất, mức độ nguy hiểm cao. Điều đáng lưu ý là các tội phạm tham nhũng có độ ẩn rất lớn, khó bị phát hiện. Vì vậy việc tăng cường công tác phát hiện, điều tra, xử lý loại tội phạm nguy hiểm này trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết.

### ***2.2.2 Diễn biến của tình hình tội phạm tham nhũng***

Diễn biến (còn gọi là động thái) của tình hình tội phạm tham nhũng được phản ánh ở sự tăng lên hay giảm đi hoặc ổn định tương đối của nhóm tội phạm này trong thời gian qua. Sự tăng lên hay giảm đi của tình hình tội phạm được phản ánh thông qua

các số liệu về các vụ phạm tội và người phạm tội giúp chúng ta đánh giá được sự tăng hay giảm của tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm đối với xã hội.

Theo báo cáo tổng kết hàng năm của các cơ quan tiến hành tố tụng Thành phố Hồ Chí Minh thì tình hình tội phạm tham nhũng xảy ra trên địa bàn trong 5 năm qua diễn biến khá phức tạp, thể hiện qua bảng thống kê sau:

**Bảng 2.2: Mức độ tăng, giảm hàng năm của số vụ án và số bị can bị khởi tố về tội phạm tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh (Từ 2012 - 2016)**

| Năm            | Số vụ án  | Mức độ tăng, giảm (%) | Số bị can  | Mức độ tăng, giảm (%) |
|----------------|-----------|-----------------------|------------|-----------------------|
| 2012           | 15        | 0                     | 40         | 0                     |
| 2013           | 10        | - 33,3                | 28         | - 30                  |
| 2014           | 13        | - 13,3                | 18         | - 55                  |
| 2015           | 7         | - 53,3                | 59         | + 47,5                |
| 2016           | 9         | - 40                  | 25         | - 37,5                |
| <b>Tổng số</b> | <b>54</b> |                       | <b>170</b> |                       |

(Nguồn: Phòng Thống kê tội phạm VKSND Thành phố Hồ Chí Minh)

Theo thống kê trên có thể nhận thấy, nếu lấy số vụ án và bị can đã khởi tố năm 2012 làm mốc là 0 thì diễn biến của tình hình tội phạm tham nhũng những năm tiếp theo đều có chiều hướng giảm về số vụ phạm tội, trong đó, năm 2015 có số vụ án giảm xuống thấp nhất (- 53,3%). Song về số bị can thì diễn biến không ổn định; hai năm 2013, 2014 đều giảm so với năm 2012 (năm định gốc), nhưng năm 2015 là năm có số bị can tăng cao nhất (+47,5%) đến năm 2016 thì lại giảm xuống (-37,5%) so với năm 2012. Bên cạnh đó, tỉ lệ bình quân số bị can trên một vụ án cũng diễn biến theo chiều hướng tăng nhưng không đồng đều qua các năm. Cụ thể là: Năm 2012, tỉ lệ bình quân là 2,6 bị can/vụ; năm 2013 là 2,8 bị can/vụ; năm 2014 thì tỉ lệ này giảm xuống còn là 1,4 bị can/vụ. Đến năm 2015 thì tỷ lệ này tăng lên 8,4 bị can/vụ và năm 2016 tính tỉ lệ trung bình là 2,8 bị can/vụ. Thông số này không chỉ nói lên diễn biến mà còn phản ánh tính chất của tội phạm tham nhũng ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay là: Trong cơ chế thị trường, các đối tượng phạm tội đã có sự

liên kết chặt chẽ với nhau để tổ chức thực hiện tội phạm. Vì vậy, việc phòng, chống tội phạm tham nhũng sẽ trở nên khó khăn hơn rất nhiều.

### ***2.2.3 Cơ cấu, tính chất của tình hình tội phạm tham nhũng***

Các thông số về mức độ, diễn biến mới chỉ là sự phản ánh hình thức bề ngoài của tình hình tội phạm. Cho nên để có thể đưa ra những nhận định, đánh giá kết luận chính xác về thực trạng diễn biến tội phạm tham nhũng đã xảy ra trên địa bàn Thành phố cần phải nghiên cứu các mặt bên trong nói lên bản chất của nó. Mặt bên trong đó chính là các thông số về cơ cấu, tính chất của tình hình tội phạm về tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

#### ***2.2.3.1 Cơ cấu của tình hình tội phạm tham nhũng***

Nghiên cứu cơ cấu của tình hình tội phạm là tìm hiểu tỉ trọng, mối tương quan giữa nhân tố bộ phận và tổng thể của tình hình tội phạm trong một khoảng thời gian nhất định. Trên cơ sở đó có thể làm sáng tỏ đặc điểm bên trong của nó. Khi nghiên cứu cơ cấu của tình hình tội phạm tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi xem xét dưới những góc độ sau đây:

*Một là, cơ cấu theo số vụ án và số người phạm các tội phạm cụ thể (theo tội danh):* Theo tiêu chí này, trong tổng số 54 vụ án tham nhũng xảy ra tại địa bàn Thành phố thì tội Tham ô tài sản có số lượng vụ án cao nhất 24 vụ (chiếm 37,04%), tiếp đó là tội Nhận hối lộ 14 vụ (chiếm 25,93%), tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ có 11 vụ (chiếm 20,37%).

Cùng với số lượng vụ án thì số bị can phạm tội tham nhũng cũng có tỉ lệ cơ cấu tương ứng. Cụ thể, trong số 170 bị can bị khởi tố về tội phạm tham nhũng thì nhiều nhất là số bị can phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ với 77 bị can (chiếm 45,25%), Tham ô tài sản với 55 bị can (chiếm 32,35%). Tiếp đó là tội Nhận hối lộ với 34 bị can (chiếm 20%), tội. Những tội phạm tham nhũng khác chiếm số lượng rất ít. Cá biệt, có một số tội phạm trong 5 năm không khởi tố, điều tra vụ nào... Có thể thấy rõ điều này qua bảng thống kê tổng hợp sau:

**Bảng 2.3: Tổng hợp số vụ và số bị can phạm các tội phạm cụ thể về tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh (Từ năm 2012 đến năm 2016)**

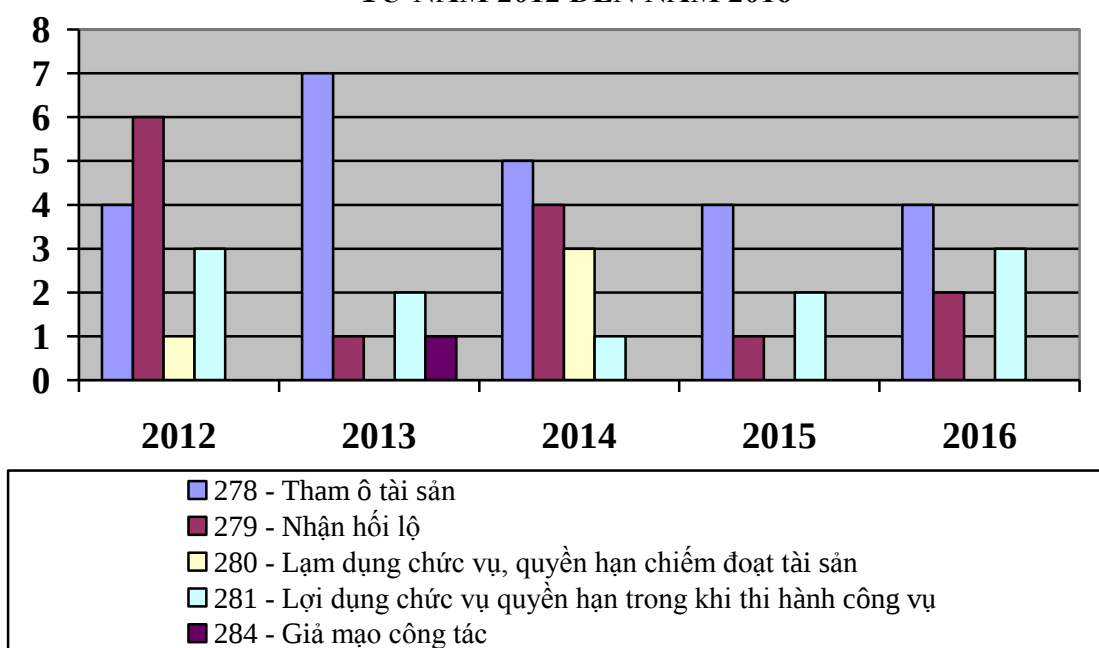
| Tội phạm cụ thể                                                           | Năm 2012 |        | Năm 2013 |        | Năm 2014 |        | Năm 2015 |        | Năm 2016 |        | Tổng số |        |
|---------------------------------------------------------------------------|----------|--------|----------|--------|----------|--------|----------|--------|----------|--------|---------|--------|
|                                                                           | Vụ       | Bị can | Vụ       | Bị can | Vụ       | Bị can | Vụ       | Bị can | Vụ       | Bị can | Vụ      | Bị can |
| Tội tham ô tài sản, Điều 278 BLHS                                         | 4        | 15     | 7        | 16     | 5        | 9      | 4        | 8      | 4        | 7      | 24      | 55     |
| Tội nhận hối lộ, Điều 279 BLHS                                            | 6        | 17     | 1        | 9      | 4        | 4      | 1        | 2      | 2        | 2      | 14      | 34     |
| Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản, Điều 280 BLHS         | 1        | 1      |          |        | 3        | 3      |          |        |          |        | 4       | 4      |
| Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, Điều 281 BLHS | 3        | 7      | 2        | 3      | 1        | 2      | 2        | 49     | 3        | 16     | 11      | 77     |
| Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ, Điều 282 BLHS                   |          |        |          |        |          |        |          |        |          |        |         |        |

|                                                                                         |    |    |    |    |    |    |   |    |   |    |    |     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|----|----|----|----|----|----|---|----|---|----|----|-----|
| Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đến người khác để trục lợi, Điều 283 BLHS |    |    |    |    |    |    |   |    |   |    |    |     |
| Tội giả mạo trong công tác, Điều 284 BLHS                                               | 1  |    |    |    |    |    |   |    |   |    | 1  |     |
| Tổng                                                                                    | 15 | 40 | 10 | 28 | 13 | 18 | 7 | 59 | 9 | 25 | 54 | 170 |

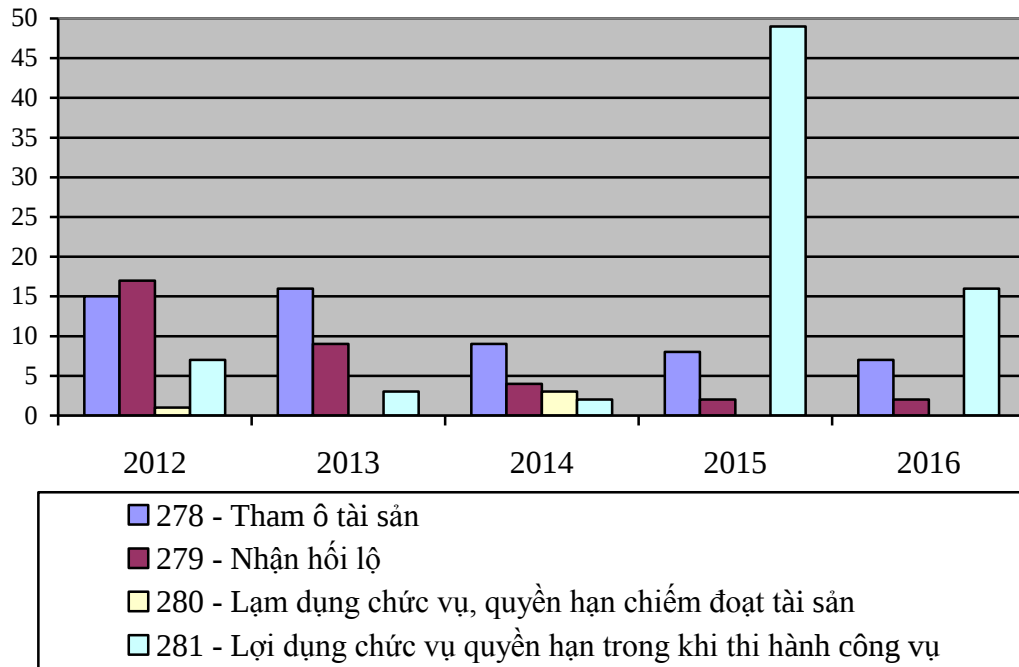
(Nguồn: Phòng Thống kê tội phạm VKSND Thành phố Hồ Chí Minh)

Cơ cấu, tỉ trọng của từng tội phạm cụ thể và số bị can phạm tội cụ thể trong cơ cấu các vụ, bị can phạm tội tham nhũng được khởi tố, xử lý hàng năm sẽ được biểu hiện rõ nét hơn qua hai biểu đồ sau:

**Biểu đồ 2.1: BIỂU ĐỒ SỐ VỤ ÁN THAM NHƯNG KHỞI TỐ TRÊN ĐỊA BÀN TP. HỒ CHÍ MINH TỪ NĂM 2012 ĐẾN NĂM 2016**



**Biểu đồ 2.2: BIỂU ĐỒ BỊ CAN BỊ KHỎI TỘI  
THAM NHỮNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH  
TỪ NĂM 2012 ĐẾN NĂM 2016**



*(Nguồn: Phòng Thống kê tội phạm VKSND Thành phố Hồ Chí Minh)*

Hai là, cơ cấu theo ngành hoặc lĩnh vực kinh tế - xã hội: Những năm qua, tội phạm tham nhũng xảy ra ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế - xã hội, thậm chí còn len lỏi cả vào những lĩnh vực mà từ trước tới nay rất được xã hội coi trọng và quan tâm như y tế, giáo dục... Tuy nhiên, căn cứ các số liệu thống kê cho thấy, ở Thành phố Hồ Chí Minh tội phạm tham nhũng thường xảy ra trong một số lĩnh vực như quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng cơ bản; quản lý tài chính, tín dụng; quản lý thuế, quản lý thị trường, quản lý hoạt động kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu, lĩnh vực hoạt động tư pháp... Cụ thể là:

- Trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai và đầu tư xây dựng cơ bản, tội phạm tham nhũng xảy ra tương đối phổ biến, nổi lên là các dạng hành vi tham ô, nhận hối lộ, cố ý làm trái trong việc quy hoạch; chuyển đổi mục đích sử dụng đất; thu hồi đất để xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị; giao đất, cho thuê đất; định giá đất khi thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng của các dự án... Một số đối tượng đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để giao đất không đúng thẩm quyền; lập hồ

sơ khổng để khai tăng diện tích đất khi đền bù. Điển hình là: Vụ Nguyễn Văn Khỏe, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn đã nhận hối lộ 1,4 tỉ đồng để cấp đất sai quy định hoặc vụ Nguyễn Thị Thùy Linh, kế toán kiêm thủ quỹ của Ban Bồi thường và giải phóng mặt bằng huyện Hóc Môn đã lợi dụng việc thiếu kiểm tra, giám sát của Ban Bồi thường và giải phóng mặt bằng trong việc thu, chi tiền đền bù giải phóng mặt bằng và tiền hỗ trợ 05 dự án mở rộng đường, dự án xây dựng trường học để tham ô chiếm đoạt 4,98 tỉ đồng [31, tr.2].

- Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản: Phần lớn các công trình xây dựng đều xảy ra thất thoát tài sản, chủ yếu do tham ô và cố ý làm trái. Sai phạm xảy ra ở hầu hết các khâu, từ việc lập dự án, thiết kế, dự toán, phê duyệt kế hoạch cấp vốn đến đấu thầu, tư vấn, giám sát, thi công, nghiệm thu, quyết toán công trình. Thủ đoạn chủ yếu là không chấp hành đúng trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản; gian lận, thiếu minh bạch trong đấu thầu; khai khổng khối lượng và giá trị vật tư, thiết bị; đưa vật liệu kém chất lượng, sai quy cách vào sử dụng; thi công sai quy trình để giảm chi phí.

Đối với những công trình thuộc diện giải phóng mặt bằng, lợi dụng chính sách đền bù của Nhà nước, kẻ phạm tội có thể lập hồ sơ khổng để rút tiền chi tiêu trái nguyên tắc. Điển hình như: Vụ Lê Quốc Cường - Trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 1 đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn, cố ý làm trái quy định của Nhà nước để chỉ đạo giấu doanh thu, để ngoài sổ sách kế toán 4,2 tỉ đồng (tiền các chủ đầu tư nộp để thẩm định giá đất phục vụ cho việc bồi thường). Ngoài ra, Cường còn ký khổng hồ sơ rút tiền và thông đồng với Lê Thị Minh Hiền- Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn cầu chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để rút 10,5 tỉ đồng của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 1, sử dụng cho mục đích cá nhân [31, tr.3].

- Trong lĩnh vực quản lý thuế, quản lý thị trường, quản lý hoạt động kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu, tỉ lệ số vụ án tham nhũng cũng khá cao trong tổng số các tội phạm tham nhũng xảy ra trên địa bàn Thành phố. Sai phạm phổ biến là miễn, giảm thuế trái quy định, sử dụng tiền thuế thu được trái pháp luật. Trong quản lý xuất nhập khẩu, một bộ phận cán bộ Hải quan thoái hóa biến chất đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nhận hối lộ để tiếp tay cho những hành vi buôn lậu, lừa

đảo chiếm đoạt tiền thuế giá trị gia tăng thông qua việc xuất nhập khẩu hàng hóa. Điển hình là: Vụ Nguyễn Tiến Lộc - cán bộ Kiểm hóa, Chi cục Hải quan Cảng Sài Gòn, khu vực 4 Thành phố Hồ Chí Minh, từ tháng 2/2011 đến tháng 11/2012 đã nhận hối lộ 514 triệu đồng của Công ty Thực phẩm Công nghệ Sài Gòn, tạo điều kiện cho Công ty này lập khống các hồ sơ xuất khẩu những loại hàng hóa có thuế suất bằng 0, với tổng giá trị hàng hóa hơn 716 tỷ đồng để được nhận tiền hoàn thuế giá trị gia tăng 9,5 tỉ đồng [33, tr. 6].

- Trong lĩnh vực quản lý tài chính, tiền tệ: Trong kinh tế thị trường, các hoạt động tài chính, tiền tệ, nhất là hoạt động quản lý thu, chi ngân sách, cấp phát vốn có vai trò cực kỳ quan trọng. Trên thực tế, một số cơ quan, cán bộ tài chính, ngân hàng tuy biết rõ tầm quan trọng của công việc được giao nhưng vì tư lợi mà đã cố ý làm trái các quy định của Nhà nước; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, tham ô, lừa đảo, bảo lãnh mở tài khoản không đúng quy định cho vay trái pháp luật hoặc thiếu trách nhiệm trong quản lý tài chính, tín dụng dẫn đến gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản. Điển hình như: Vụ án xảy ra tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh 6 và Công ty dệt kim Đông Phương Thành phố Hồ Chí Minh do Hồ Đăng Trung - Giám đốc Ngân hàng Agribank chi nhánh 6 và đồng bọn đã Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, Vi phạm quy định về cho vay dẫn đến gây thiệt hại hơn 1000 tỷ đồng của Nhà nước. Hoặc vụ Vũ Quốc Hảo - Tổng giám đốc Công ty cho thuê tài chính (ALC II) đã cùng đồng bọn cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế khi lập hồ sơ, chứng từ giả để nâng khống giá trị thiết bị tàu lặn Tirno 2 từ 100 triệu đồng lên 130 tỉ đồng, sau đó tham ô chiếm đoạt số tài sản này của Nhà nước [33, tr.1].

- Trong lĩnh vực hoạt động tư pháp, tham nhũng thường diễn ra dưới hình thức nhận hối lộ trong việc giải quyết một số thủ tục hành chính như cấp hộ khẩu, xuất cảnh, chứng nhận lý lịch tư pháp... Trong quá trình hoạt động tổ tụng của các cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án, cơ quan thi hành án cũng thường xảy ra những hành vi tham nhũng như: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để nhận hối lộ, “chạy án” của một số cán bộ thoái hóa, biến chất nhằm bỏ lọt tội hoặc giảm nhẹ tội phạm trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án ... Điển hình như: Vụ

Nguyễn Thị Nhung số tiền 85 triệu đồng của Mai Thị Ngọc Vân là bị cáo trong vụ án "Cố ý gây thương tích" với mục đích lo cho bà Vân được hưởng án treo.

*Ba là, cơ cấu theo quy mô và địa bàn hoạt động:* Tội phạm tham nhũng đã xảy ra trên mọi địa bàn với quy mô từ nhỏ đến lớn. Từ những vụ án tham nhũng “vật” xảy ra trong nội bộ một cơ quan hay đơn vị hành chính cấp xã đến những vụ án đặc biệt nghiêm trọng liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức tài chính trên địa bàn Thành phố, thậm chí có vụ còn liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố khác trong nước hoặc công ty nước ngoài như vụ án Vụ Nguyễn Tiến Lộc - cán bộ Kiểm hóa, Chi cục Hải quan Cảng Sài Gòn, khu vực 4 Thành phố Hồ Chí Minh, từ tháng 2/2011 đến tháng 11/2012 đã nhận hối lộ 514 triệu đồng của Công ty Thực phẩm Công nghệ Sài Gòn, tạo điều kiện cho Công ty này lập khống các hồ sơ xuất khẩu những loại hàng hóa có thuế suất bằng 0, với tổng giá trị hàng hóa hơn 716 tỷ đồng để được nhận tiền hoàn thuế giá trị gia tăng 9,5 tỉ đồng.

#### *2.2.3.2 Tính chất của tình hình tội phạm tham nhũng*

Trên cơ sở kết quả khảo sát các số liệu thống kê về tội phạm tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh có thể thấy rằng, những năm qua tội phạm tham nhũng ở Thành phố tuy có giảm về số lượng vụ án nhưng tính chất, mức độ nguy hiểm lại tăng lên đáng kể. Điều đó được thể hiện ở những mặt sau đây:

*Thứ nhất, về tính chất có tổ chức và quy mô hoạt động của các đối tượng phạm tội tham nhũng*

Nếu như trước đây, các vụ án về tham nhũng thường chỉ do một vài cá nhân thực hiện, phạm một đến hai tội danh và nếu có tổ chức thì cũng có số người tham gia ít, quy mô nhỏ, tài sản tham nhũng chỉ dưới bậc tỉ thì đến nay, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường tội phạm tham nhũng ở Thành phố Hồ Chí Minh thường mang tính chất “tổ chức” có sự “liên kết”, “chỉ đạo” rất chặt chẽ, có sự tham gia của nhiều đối tượng ở nhiều cơ quan, tổ chức khác nhau. Nhiều vụ án có sự liên kết chặt chẽ giữa người trong cơ quan Nhà nước với người ngoài xã hội, giữa cán bộ cấp trên và cấp dưới, giữa đơn vị này với đơn vị khác tạo thành một đường dây, vòng tròn khép kín. Do đó những vụ tham nhũng lớn được đưa ra xét xử không chỉ đơn thuần có một tội danh mà thường phạm từ hai tội trở lên, thậm chí có vụ án, bị can phạm từ ba đến bốn tội. Điển hình như các vụ án xảy ra tại Công ty cho thuê tài

chính ALCII, các vụ án của Ngân hàng Vietinbank, Agribank chi nhánh 6, chi nhánh 7 ở Thành phố Hồ Chí Minh... Qua phân tích 54 vụ án tham nhũng được các cơ quan chức năng của Thành phố thụ lý, giải quyết trong 5 năm qua thì thấy: Có 04 vụ có bốn tội danh trở lên; 10 vụ có ba tội danh, 26 vụ có hai tội danh và 14 vụ có một tội danh. Những tội thường gặp trong các vụ án tham nhũng là: Tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; Lạm dụng chức vụ, quyền hạn; Cố ý làm trái; Tham ô; Nhận hối lộ; Đưa hối lộ; Vi phạm quy định về cho vay; Lừa đảo; Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Thiếu tinh thần trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước...

*Thứ hai, về thủ đoạn thực hiện và che dấu tội phạm*

Trong các vụ án tham nhũng các bị can thường tiêu xài cá nhân hoặc các bị can không đứng tên các tài sản có giá trị mà để người khác như vợ, con, người thân... đứng tên nhằm tẩu tán, che dấu tài sản, vì những người này không thuộc diện phải kê khai tài sản, nên mới có tình trạng bị can không còn tài sản để khắc phục thiệt hại nhưng vợ, con, người thân thì tài sản rất nhiều. Cũng có trường hợp tài sản đã được chuyển hóa thành tài sản của người thân ở nước ngoài. Nghiên cứu tội phạm tham nhũng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy thủ đoạn mà bọn tội phạm tham nhũng sử dụng rất đa dạng, tinh vi và xảo quyệt, phổ biến ở ba dạng chủ yếu sau:

- Lợi dụng việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế để thông đồng với nhau trong việc thanh quyết toán hợp đồng, từ đó rút tiền, hàng chia nhau. Thủ đoạn thường thấy là người phạm tội đã sửa chữa chứng từ, hóa đơn, lập 2 hệ thống sổ sách, thậm chí sửa chữa hợp đồng, lợi dụng cơ chế nhiều giá, tự chủ trong kinh doanh để quyết toán theo giá có lợi nhất để lấy tiền chênh lệch.

Có những trường hợp làm ăn thua lỗ nhưng vẫn báo cáo sai là hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch để được giao tiếp kế hoạch, từ đó, lấy tiền hàng như Huỳnh Văn Ngà, cửa hàng trưởng một cửa hàng thuộc kim khí điện máy, hàng tháng kinh doanh lỗ, nhưng vẫn báo có lời, từ đó công ty tiếp tục giao thực hiện nhiều hợp đồng, Ngà đã lợi dụng để chiếm đoạt tiền, hàng của Nhà nước, tập thể và cá nhân.

Nhiều vụ án, kẻ phạm tội đã lợi dụng việc tự chủ trong sản xuất kinh doanh, ký hàng loạt hợp đồng kinh tế, dùng tiền hàng của hợp đồng này sử dụng cho hợp

đồng khác. Sau đó lợi dụng sự chông chéo của các hợp đồng để ăn chặn tiền hàng hoặc sử dụng cho mục đích cá nhân không đúng cam kết đã ghi trong hợp đồng.

- Lợi dụng việc liên doanh, liên kết kinh tế để phạm tội. Liên doanh, liên kết kinh tế là một hoạt động không thể thiếu được, phù hợp với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hoạt động liên doanh liên kết đã tạo ra khả năng hợp tác giữa các thành phần kinh tế trong nước, ngoài nước để phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh của từng bên tham gia ký kết. Tuy nhiên, nhiều người đã lợi dụng việc liên doanh, liên kết đó để phạm tội, cấu kết với nhau để trục lợi, chiếm đoạt tài sản Nhà nước.

- Lợi dụng việc trích thưởng và buông lỏng việc kiểm tra, kiểm soát để phạm tội. Hiện tượng trích thưởng đã và đang diễn ra phổ biến, tràn lan ở nhiều đơn vị, nhiều doanh nghiệp và cả các cơ quan quản lý Nhà nước với những lý do khác nhau như: Thưởng vì đã ký kết hợp đồng, thanh lý hợp đồng, thưởng do xin được quota, do được cấp vốn, cấp vật tư, do nghiệm thu công trình... Người phạm tội đã cố tình làm sai các quy định của Nhà nước về trích thưởng, thậm chí sửa đổi chứng từ sổ sách để nhằm mục đích tăng tỷ lệ trích thưởng, vì lợi ích cá nhân, cục bộ.

Ngoài ra, nhiều đơn vị, người phạm tội đã lợi dụng việc thiếu kiểm tra, kiểm soát để phạm tội. Khi chuyển sang cơ chế thị trường, công tác thanh tra, kiểm soát đã bộc lộ những thiếu sót, sơ hở, quá nhấn mạnh đến quyền tự chủ, tính năng động sáng tạo. Thậm chí nhiều người có suy nghĩ sai lệch là nếu kiểm tra, kiểm soát sẽ cản trở việc sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy mà dẫn đến tình trạng do nhiều đơn vị kinh tế có các hành vi sai phạm như: chi tiêu bừa bãi, vô nguyên tắc. Quy định về tài chính chi tiêu không sổ sách chứng từ, thanh quyết toán ngoài hợp đồng. Lấy tiền Nhà nước trích thưởng tràn lan, sử dụng vốn vào các hoạt động không đúng mục đích. Đa số các vụ án tham nhũng, đặc biệt là các vụ án tham ô, cố ý làm trái, nhận hối lộ... được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra đã nói lên một điều rằng: Nếu buông lỏng việc kiểm tra, thanh tra sẽ dẫn đến bỏ lọt khá nhiều tội phạm.

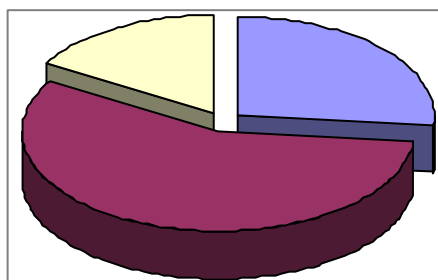
#### *Thứ ba, về đặc điểm nhân thân người phạm tội*

Nghiên cứu đặc điểm nhân thân người phạm tội nói chung là nghiên cứu những đặc điểm về độ tuổi, giới tính, thành phần xã hội, học vấn, nghề nghiệp, tâm lý, ý thức pháp luật... tạo nên nhân thân người phạm tội.

Trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đối tượng phạm tội tham nhũng cũng hết sức đa dạng cả về thành phần, trình độ chuyên môn và lĩnh vực hoạt động. Qua kết quả khảo sát 170 bị can bị khởi tố, điều tra về tội phạm tham nhũng ở Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy:

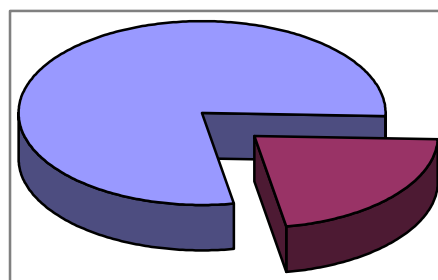
Về độ tuổi và giới tính: Người phạm tội có độ tuổi từ 18 đến 40 chiếm 26,47%; từ 40 đến 52 tuổi chiếm 57,06%; từ 52 tuổi trở lên chiếm 16,47%. Về giới tính, nam chiếm 78%, nữ chiếm 22%. Có thể thấy rõ tỉ lệ về độ tuổi và giới tính của người phạm tội tham nhũng qua biểu đồ sau đây:

**Biểu đồ 2.3: BIỂU ĐỒ CƠ CẤU ĐỘ TUỔI CỦA NGƯỜI PHẠM TỘI**



■ Từ 18 đến 40 là 26,47% ■ Từ 40 đến 52 là 57,06%  
■ Từ 52 trở lên là 16,47%

**Biểu đồ 2.4: BIỂU ĐỒ TỶ LỆ GIỚI TÍNH NGƯỜI PHẠM TỘI**



■ Nam là 78,2% ■ Nữ là 21,8%

(Nguồn: Phòng Thống kê tội phạm VKSND Thành phố Hồ Chí Minh)

Về trình độ văn hóa và chuyên môn: Đa số đối tượng phạm tội có trình độ học vấn cao, 100% bị cáo đã tốt nghiệp trung học cơ sở; 82% bị cáo tốt nghiệp trung cấp, đại học và được đào tạo qua các lớp nghiệp vụ chuyên ngành về quản lý kinh tế, tài chính, quản trị kinh doanh; 11,2% bị cáo đã được đào tạo sau đại học.

Về thành phần: Số bị can là cán bộ công chức, viên chức chiếm 69,4%. Tính theo chức vụ và công việc đảm nhiệm thì trong tổng số 170 bị can phạm tội tham nhũng, số bị can có chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc chiếm 3,1%; giám đốc, phó giám đốc chiếm 6,4%; là trưởng, phó phòng chiếm 31%; là kế toán, thủ quỹ chiếm 23%; là cán bộ giao dịch chiếm 17%; nhân viên chiếm 14,6%; còn lại là các đối tượng khác. Số đối tượng tham nhũng là đảng viên chiếm 54,83%.

Đây là một tỉ lệ đáng kể cần chú ý trong công tác phòng, chống tội phạm tham nhũng, được thể hiện qua biểu đồ sau:

Về tiền án, tiền sự: Đa số đối tượng phạm tội đều chưa từng bị kết án hay xử lý kỷ luật, thực tế cho thấy nhiều đối tượng trước khi bị phát hiện vẫn được đánh giá là cán bộ lãnh đạo năng động, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nếu chưa là lãnh đạo thì cũng nằm trong diện quy hoạch, cơ cấu... Đây là đặc điểm khó khăn cho công tác phát hiện, xử lý tội phạm tham nhũng.

Về động cơ phạm tội: Hầu hết các đối tượng phạm tội tham nhũng đều có động cơ tư lợi. Kết quả khảo sát cho thấy, có 90,7% phạm tội vì muốn làm giàu hoặc để có tiền ăn chơi; 9,3 % là để giải quyết khó khăn.

Nghiên cứu những đặc điểm về nhân thân người phạm tội tham nhũng giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn về tình hình tội phạm tham nhũng xảy ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thời gian qua.

#### *Thứ tư, về thiệt hại của tình hình tội phạm tham nhũng*

Khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của tình hình tội phạm tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh còn cần phải xem xét cả hậu quả thiệt hại do tội phạm tham nhũng gây ra. Bởi vì, loại tội phạm này đã gây ra những tác hại lớn trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Cụ thể:

Tội phạm tham nhũng đã gây thiệt hại lớn về tài sản, tiền của của Nhà nước, tập thể và công dân. Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, hàng năm những thiệt hại về tài sản do tội phạm tham nhũng gây ra là rất lớn, có thể hàng chục, hàng trăm, thậm chí là hàng ngàn tỉ đồng. Theo thống kê, trong 5 năm (từ 2012 đến 2016), tổng giá trị tài sản tham nhũng và thiệt hại do tham nhũng gây ra được phát hiện và xác định khoảng trên 9.000 tỷ đồng. Có thể đơn cử một số vụ điển hình như: Vụ án tham nhũng xảy ra tại Ngân hàng Agribank chi nhánh 7 Thành phố Hồ Chí Minh đã gây thiệt hại hơn 600 tỉ cho Ngân hàng này; Vụ án Cố ý làm trái, tham ô tài sản của Vũ Quốc Hào và đồng phạm đã gây thiệt hại cho Công ty cho thuê tài chính 2 (ALC II) 130 tỉ đồng; đặc biệt vụ đại án Huỳnh Thị Huyền Như cùng đồng phạm đã lừa đảo, tham ô chiếm đoạt gần 4000 tỉ đồng của Ngân hàng Vietinbank và một số ngân hàng có

liên quan khác. Những con số kể trên đã cho thấy sự thiệt hại do tội phạm tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh gây ra là đặc biệt nghiêm trọng.

Không chỉ gây ra những thiệt hại rất lớn về tài sản mà tội phạm tham nhũng còn làm tha hóa đội ngũ cán bộ, công chức, làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Những lợi ích lớn về vật chất từ hành vi tham nhũng đem lại đã làm tha hóa phẩm chất đạo đức, lương tâm, trách nhiệm và bản lĩnh nghề nghiệp của một bộ phận cán bộ thực thi quyền lực Nhà nước, làm cho hiệu quả quản lý Nhà nước bị giảm sút nghiêm trọng. Nguy hiểm hơn, tình trạng tham nhũng tràn lan, phổ biến hiện nay còn làm ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan, chính quyền địa phương, đến niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Tình trạng đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp trong những trường hợp chính quyền cơ sở, ban quản lý các dự án có vi phạm về quản lý đất đai, đền bù, giải tỏa... là biểu hiện rõ nét sự mất niềm tin của người dân đối với bộ máy Nhà nước và cán bộ công chức Nhà nước.

## **Kết luận Chương 2**

Chương 2 của luận văn đã tập trung phân tích làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, thực trạng của tình hình tội phạm tham nhũng với tính chất là, kết quả của nguyên nhân và điều kiện đó. Kết quả nghiên cứu của Chương này cho thấy, trong số những nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm về tham nhũng tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có cả những yếu tố tiêu cực thuộc về môi trường xã hội (như: kinh tế - xã hội, tư tưởng chính trị, văn hóa – giáo dục, tổ chức quản lý nhất là quản lý tài sản công, chính sách pháp luật), có cả những nguyên nhân thuộc về cá nhân người phạm tội. Những nguyên nhân điều kiện trên chính là nhân tố làm phát sinh tội phạm tham nhũng với tính chất và kết quả của chúng. Những nội dung được trình bày trong Chương 2 sẽ là cơ sở để tác giả xây dựng những giải pháp khắc phục, loại trừ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, trong phạm vi cả nước nói chung.

### **Chương 3**

## **GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC, LOẠI TRỪ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI PHẠM THAM NHŨNG**

Để giữ vững an ninh chính trị, ổn định trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh hiện đại, phồn vinh, công bằng và dân chủ thì công tác phòng ngừa tội phạm tham nhũng được coi là phương hướng cơ bản, chủ yếu nhất trong đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và đấu tranh phòng chống tội phạm tham nhũng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Tuy nhiên, đây cũng là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn, phức tạp đòi hỏi Đảng, Nhà nước, chính quyền và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phải tiến hành kiên quyết, khẩn trương, bền bỉ, lâu dài với nhiều biện pháp đồng bộ để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tình hình tội phạm tham nhũng đang ngày một ăn sâu vào đời sống xã hội với những diễn biến hết sức phức tạp và khó lường. Với phương châm “Kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa với kiên quyết tấn công tội phạm, coi phòng ngừa và giáo dục cải tạo là biện pháp cơ bản trong việc ngăn ngừa và đẩy lùi tội phạm” của Đảng, Nhà nước ta, việc phòng, chống tội phạm tham nhũng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh chỉ thật sự hiệu quả khi gắn với quá trình hoàn thiện cơ chế quản lý Nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật làm cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính, cải cách tư pháp và công tác xây dựng Đảng mà chúng ta đang tiến hành. Đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng phải được tiến hành trên nguyên tắc kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, làm trong sạch bộ máy quản lý Nhà nước.

Vì vậy, để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả nhằm khắc phục, loại trừ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, tác giả mạnh dạn đưa ra một số giải pháp sau đây:

### **3.1 Giải pháp kinh tế, xã hội**

Kinh tế là lĩnh vực đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Kinh tế vừa là nền tảng, vừa là mục tiêu, động lực cho sự phát triển của xã hội. Kinh tế là yếu tố mang tính quyết định đối với các yếu tố thuộc thượng tầng kiến trúc xã hội.

Trong nhiều công trình nghiên cứu về phòng ngừa tội phạm, các tác giả đều thống nhất cho rằng phát triển kinh tế - xã hội là biện pháp phòng ngừa tội phạm cơ bản, mang tính quyết định nhất. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả công tác loại trừ nguyên nhân và điều kiện của tội phạm tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới cần thiết phải đề cập đến giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và xem nó như một giải pháp nền tảng. Bởi vì, các yếu tố tiêu cực của kinh tế - xã hội là một trong những nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh tội phạm, khi trong đời sống xã hội xuất hiện những mâu thuẫn về lợi ích kinh tế, phân hóa giàu nghèo, lương của cán bộ, công chức và người lao động thấp, không đủ trang trải cuộc sống...thì chắc chắn sẽ phát sinh những tư tưởng muốn thoát nghèo hoặc làm giàu bằng mọi giá, kể cả phải vi phạm pháp luật. Vì vậy, trong phát triển kinh tế, xã hội Thành phố Hồ Chí Minh những năm tới cần phải chú ý đến những nội dung chủ yếu sau:

- Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước nhất là quản lý kinh tế ở cả cấp vĩ mô và vi mô, ở từng địa phương, từng ngành trong cả nước nói chung và trong từng quận, huyện từng ngành trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Xét về nguồn gốc tham nhũng là một tệ nạn gắn liền với nhà nước vì thế tính chất và kết cục của nó ra sao phụ thuộc trước tiên vào vai trò và năng lực của nhà nước, hiệu quả quản lý, kiểm tra, giám sát về mặt kinh tế và hành chính của thành phố từ trung ương đến đại phương. Vì vậy, để loại trừ nguyên nhân của tham nhũng trước tiên phải nâng cao năng lực kiểm tra, kiểm soát, điều tiết nền kinh tế thị trường bằng một hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản pháp quy, các thiết chế tài chính ngân hàng, các công cụ và chính sách kinh tế cùng hệ thống doanh nghiệp nhà nước.

Điều cơ bản nhất hiện nay là Thành phố phải thực hiện đồng bộ hệ thống pháp luật, đưa pháp luật vào đời sống xã hội nhằm khuyến khích hơn nữa sự làm giàu chính đáng, đầu tư mạnh dạng vào sản xuất kinh doanh, tạo hành lang an toàn cho những người làm ăn chân chính, đồng thời ngăn chặn trừng trị những hành vi vượt khỏi khuôn khổ pháp luật. Chỉ có thực hiện đồng bộ về cơ chế quản lý, hệ thống pháp luật và hệ thống chính sách kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư...khắc phục sự buôn lỏng pháp luật, sự thả nổi các cơ chế quản lý thì sẽ ngăn chặn được tệ tham nhũng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

- Đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh phù hợp với vị trí, vai trò của Thành phố đối với khu vực phía Nam và cả nước. Đầu tư phát triển kinh tế theo hướng phát triển bền vững, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế, trong đó, lấy chất lượng để định hướng cho sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế phù hợp với đặc điểm của một nền kinh tế đô thị theo hướng văn minh, hiện đại; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội.

- Cần có biện pháp hữu hiệu, khả thi để khống chế và kiểm soát lạm phát, ổn định giá cả thị trường, xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, buôn lậu ở các cảng hàng hải, hàng không. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội, đưa cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, ngày càng đi vào chiều sâu.

- Thực hành có hiệu quả dân chủ rộng rãi trong Đảng, nhà nước ở mỗi cơ quan, đoàn thể, tổ chức sản xuất kinh doanh mà thực chất là đưa phương châm “*dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra*” vào thực tiễn cuộc sống để điều chỉnh, chế ước, kiểm tra, giám sát và phát hiện các dấu hiệu tham nhũng của đội ngũ đảng viên trên địa bàn Thành phố, nhất là những cán bộ có chức có quyền, cán bộ được giao nắm giữ tài sản của nhà nước, của tập thể.

- Cần có hệ thống chính sách kinh tế - xã hội phù hợp đối với cán bộ công chức nhà nước, cải cách chế độ tiền lương, phụ cấp, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người hưởng lương nói chung và cán bộ công chức nói riêng, bảo đảm đời sống cho người lao động so với mặt bằng phát triển chung của Thành phố, có như vậy mới thu hút được nhân tài vào làm trong các cơ quan Đảng, chính quyền, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn Thành phố. Lương cao khiến đội ngũ công chức – những “*công bộc của dân*” sống bằng thu nhập chính đáng của mình, giữ gìn sự liêm khiết trong sạch của bản thân trước sự cáo dỗ của lợi ích và danh lợi

### **3.2 Giải pháp về chính trị, tư tưởng**

Chính trị, tư tưởng là một giải pháp rất quan trọng trong việc loại bỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tham nhũng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do đó phải làm tốt các công tác sau:

- Thường xuyên mở hội nghị, các buổi phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực, thống nhất có hiệu quả từ nhận thức đến hành động của cán bộ, công chức, viên chức trong việc phòng, chống tham nhũng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc tổ chức thực hiện, củng cố đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở liêm chính, có chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; kiểm tra giám sát, ngăn ngừa việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ chính quyền cấp cơ sở trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng; ngăn chặn, đẩy lùi các hoạt động gây lãng phí, thất thoát kinh phí và tài sản trong cơ quan, đơn vị cơ sở; phát huy vai trò phản biện xã hội về phòng chống tham nhũng; kịp thời ngăn chặn có hiệu quả tình trạng tiêu cực tham nhũng trong toàn hệ thống chính quyền.

- Đồng thời, tập trung công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng; Luật phòng chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành; nội dung cơ bản của Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn thể cán bộ, công chức cơ sở; triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, các giải pháp nhằm nâng cao năng lực phát hiện, xử lý tham nhũng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp cơ sở nhằm ngăn chặn, phòng ngừa có hiệu quả những hành vi tham nhũng.

- Cán bộ, công chức trên địa bàn thành phố phải thực hiện tốt di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng vũ khí “tự phê bình và phê bình” đấu tranh với những tệ nạn tham nhũng vi phạm chuẩn mực đạo đức của người cán bộ cách mạng, làm giảm sút uy tín của Đảng và nhà nước. Đồng thời nêu gương những người làm ăn giỏi, làm giàu chính đáng bằng tài năng và sức lao động của mình. Có như vậy mới nâng cao được nhận thức về mặt lập trường tư tưởng chính trị cho người Đảng viên, cán bộ, công chức, cũng như cung cấp những dữ liệu cho nhân dân, quần chúng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thực hiện phê bình cán bộ đảng viên. Đây là một trong những vũ khí lợi hại trong tầm tay các nhà quản lý, những tổ chức Công đoàn để đấu tranh ngăn chặn tệ tham nhũng tại thành phố Hồ Chí Minh.

### **3.3 Giải pháp về văn hóa, giáo dục**

Thành phố Hồ Chí Minh cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng. Công tác đào tạo cần thực hiện chuyên nghiệp và nghiêm minh, vì mục tiêu hướng đến những người cán bộ có tâm và có tầm. Việc đào tạo cần có cái nhìn nghiêm túc hơn trong việc đào tạo cán bộ trẻ và dự nguồn vì mỗi hành vi của nhà trường đều được lấy đem ra thực tiễn để đối chiếu và áp dụng. Sau khi đã có được những nhân sự chất lượng thì việc cần làm là phải có sự lựa chọn nghiêm ngặt nhân sự lãnh đạo, quản lý ở tất cả các cấp, đặc biệt là cấp cao dựa trên tiêu chuẩn vừa có đức và tài, không chỉ căn cứ vào đánh giá, dự kiến của tổ chức mà còn thẩm định bởi đánh giá của xã hội, của công chúng, nhất là phải bảo đảm sự minh bạch thông tin, kể cả thông tin về tài sản.

Trước hết là tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống cho cán bộ, công chức, đảng viên. Thực tế, hiện nay đã xuất hiện nhiều hiện tượng cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống dẫn đến vi phạm pháp luật và trở thành tội phạm, nhất là tội phạm về tham nhũng, chức vụ.

Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng những năm qua ở Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, trong số các đối tượng phạm tội tham nhũng thì số lượng cán bộ, đảng viên phạm tội chiếm tỷ lệ không nhỏ. Chỉ tính riêng 03 vụ án tham nhũng điển hình đã xét xử từ năm 2012 đến nay là: Vụ Vũ Quốc Hảo ở Công ty cho thuê tài chính 2 (02 bị cáo), vụ Lê Dũng ở Công ty Cổ phần thực phẩm Công nghệ Sài Gòn (37 bị cáo), vụ Phạm Văn Cử ở Ngân hàng Agribank chi nhánh 7 Thành phố Hồ Chí Minh (09 bị cáo) thì trong số 48 bị can của 03 vụ án này đã có đến 15 đảng viên (chiếm 31,91%) và đều giữ chức vụ từ cấp trưởng phòng trở lên.

Từ thực tế trên đòi hỏi, trong thời gian tới, các cấp ủy Đảng của Thành phố Hồ Chí Minh phải tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, coi đây là một trong những trọng tâm công tác lớn. Phải tiếp tục nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức trong phòng, chống tham nhũng bằng những hoạt động cụ thể như:

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức, tính tiên phong gương mẫu của người đảng viên, gắn công tác phòng chống tham nhũng với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Làm cho mọi cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ, sâu sắc về nghĩa vụ, trách nhiệm đối với công tác phòng, chống tham nhũng. Trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng hơn ai hết đảng viên, đặc biệt là những đảng viên giữ các cương vị lãnh đạo trong bộ máy Nhà nước phải là những người đi đầu.

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, phẩm chất người đảng viên không chỉ dừng lại trong các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng mà phải trở thành nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của các tổ chức đảng và trong ý thức rèn luyện của mỗi đảng viên. Việc giáo dục chính trị, tư tưởng và rèn luyện phẩm chất đạo đức không thể chỉ mang tính hình thức mà còn phải có những tiêu chí nhất định, cụ thể để mỗi đảng viên tự phấn đấu rèn luyện.

Cần nâng cao trình độ dân trí, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp pháp luật về đấu tranh phòng, chống tham nhũng cho nhân dân, làm cho mọi người dân hiểu rõ quyền của họ, tạo cho họ có dũng khí để đấu tranh với tiêu cực mà không lo bị trả thù, hướng cho người dân sống và làm việc theo pháp luật. Bác Hồ đã từng viết: *“Quan tham vì dân đại. Nếu dân hiểu biết, không chịu đút lót thì quan không liêm cũng phải hóa ra liêm”* và *“Dân cần phải biết quyền hạn của mình, phải biết kiểm soát cán bộ, để giúp cán bộ thực hiện chữ liêm”* Vì vậy phải thường xuyên, giáo dục, động viên người dân chủ động, tích cực phát hiện, tố cáo đấu tranh với tội phạm tham nhũng, có thái độ không khoan nhượng với tham nhũng, làm cho nhân dân nhận thức sâu sắc rằng: Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

### **3.4 Giải pháp tổ chức, quản lý**

Thành phố Hồ Chí Minh phải hoàn thiện và thực hiện hiệu quả cơ chế tổ chức, quản lý, chính sách quản lý Nhà nước trên mọi lĩnh vực, có như vậy mới loại trừ được các nguyên nhân làm phát sinh tội phạm tham nhũng. Thực tế cho thấy, một trong những nguyên nhân của tình hình tội phạm tham nhũng ở Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua là do trong cơ chế tổ chức, quản lý Nhà nước còn có những sơ hở, thiếu sót, chưa đồng bộ. Vì vậy, một trong những giải pháp vừa

mang tính cấp bách vừa có tính thường xuyên và lâu dài là phải nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực bằng cách bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách sao cho rõ ràng, đầy đủ, bảo đảm thực hiện tốt cơ chế quản lý, chính sách quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực. Cụ thể là:

- Trong lĩnh vực tổ chức, quản lý hành chính Nhà nước, Thành phố Hồ Chí Minh cần tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ chế “Một cửa liên thông” như hiện nay để rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức doanh nghiệp và công dân. Đồng thời, tiến hành rà soát và áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết các công việc và từng bước công khai hóa quy trình thủ tục hành chính tại các cơ quan, công sở, ứng dụng công nghệ tin học trong quản lý góp phần giảm thiểu những sai sót trong công tác quản lý, giảm bớt phiền hà cho người dân, hạn chế đến mức thấp nhất tiêu cực, tham nhũng phát sinh.

Cần phân công rành mạch giữa các cơ quan Nhà nước trong quản lý kinh tế, xã hội, văn hóa theo nguyên tắc: Mỗi nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý chỉ giao cho một cơ quan đảm nhiệm, trong trường hợp phải có nhiều cơ quan tham gia giải quyết thì phải có một cơ quan chịu trách nhiệm chính. Đi đôi với phân cấp trong quản lý là tăng cường sự kiểm tra, giám sát của cấp trên và thực hiện nghiêm trách nhiệm giải trình trong thực thi nhiệm vụ, công vụ.

- Trong lĩnh vực tổ chức, quản lý vốn và tài sản trong doanh nghiệp Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế tổ chức, quản lý, cơ chế giám sát nhất là trong lĩnh vực tài chính tiền tệ. Cần có quy định cụ thể, chi tiết hơn cho việc vay vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để bảo quản nguồn vốn vay, không để tình trạng các cán bộ tín dụng, ngân hàng kể cả ngân hàng thương mại cổ phần nhận tiền bồi dưỡng mới làm thủ tục cho vay vốn hoặc cho vay với số tiền cao.

Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn thành phố nói riêng và cả nước nói chung; kiểm soát chặt chẽ quá trình cổ phần hóa, ngăn chặn, xử lý kịp thời tiêu cực, sai trái trong định giá, đấu giá tài sản doanh nghiệp; công khai việc mua, bán cổ phần của doanh nghiệp đã chuyển đổi. Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp.

Thực trạng tình hình tội phạm tham nhũng ở nước ta nói chung và tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng những năm qua cho thấy, tội phạm tham nhũng xảy ra trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội nhưng tập trung ở một số lĩnh vực chủ yếu như quản lý và cấp phát ngân sách, xây dựng cơ bản, quản lý tài chính - tiền tệ, quản lý Nhà nước về xuất nhập khẩu, quản lý vốn... Sở dĩ có tình trạng này là do trong các lĩnh vực nêu trên còn có quá nhiều sơ hở trong cơ chế, chính sách như: trong lĩnh vực xây dựng cơ bản thì vốn, ngân sách dành cho xây dựng cơ bản phải đi qua rất nhiều cửa, từ khi Chính phủ cho chủ trương, định hướng đến Bộ Kế hoạch đầu tư, qua Bộ Tài chính, đến Bộ Xây dựng (hoặc Bộ chủ quản công trình), tiếp đó mới đến cơ quan chịu trách nhiệm thiết kế, Ban quản lý công trình, chủ đầu tư, cuối cùng là ngân hàng đầu tư và phát triển chịu trách nhiệm cấp vốn và thanh toán. Với cơ chế nhiều cửa như vậy và những thiếu sót trong cơ chế quản lý thì tiêu cực, tham nhũng xảy ra là đương nhiên. Do vậy, để ngăn chặn và đẩy lùi tội phạm tham nhũng thì việc bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách trong từng lĩnh vực tổ chức, quản lý kinh tế phải được đặc biệt coi trọng.

Thực hiện triệt để chế độ giao dịch dân sự, kinh tế không dùng tiền mặt, chỉ thông qua thẻ tín dụng, chuyển tiền qua tài khoản để kiểm soát chặt chẽ sự di chuyển của đồng tiền, thu nhập của cán bộ, công chức, hạn chế tối đa khả năng tham nhũng và góp phần phát hiện hành vi tham nhũng

Thực hiện chế độ kiểm toán bắt buộc đối với doanh nghiệp có vốn Nhà nước. Xử lý nghiêm những cán bộ được giao quản lý các doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện các giao dịch kinh doanh với doanh nghiệp thuộc sở hữu của người thân. Bên cạnh đó cần phải thể chế hóa chế độ quản lý vốn, tài sản theo hướng quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các chủ thể quản lý.

- Hoàn thiện các quy định để quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thu chi ngân sách của chính quyền cấp cơ sở; các khoản chi cho đầu tư xây dựng, chi thường xuyên, chi phí hội nghị, lễ hội, tiếp khách. Khẩn trương rà soát, bổ sung, khắc phục những sơ hở, bất cập trong công tác tổ chức, cán bộ. Cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu phải tăng cường quản lý, giám sát cán bộ, đảng viên. Tăng thẩm quyền và trách nhiệm người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác cán bộ dưới quyền để kiểm điểm, xác minh, kết luận khi có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí.

Quy định và thực hiện nghiêm việc xử lý, điều chuyển, miễn nhiệm, thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý có biểu hiện tham nhũng, lãng phí gây nhiều dư luận. Quy định cụ thể và thực hiện hiệu quả chủ trương bố trí một số chức danh cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, cấp huyện không phải là người địa phương; không bố trí những người có quan hệ gia đình cùng làm một số công việc dễ xảy ra tham nhũng.

Kiên quyết thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế, đồng bộ với cải cách chế độ công vụ, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đổi mới chính sách tiền lương. Công khai các chế độ, định mức, tiêu chuẩn và việc thực hiện chế độ định mức tiêu chuẩn sử dụng tài sản công của cán bộ công chức cấp cơ sở trước hết là người đứng đầu cơ quan tổ chức đơn vị, minh bạch tài sản thu nhập, việc thực thi công vụ ở những vị trí trực tiếp giải quyết yêu cầu của công dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, mục tiêu chung của công cuộc cải cách hành chính ở nước ta là xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Do đó, cần phải nghiên cứu sắp xếp lại bộ máy các cơ quan quản lý Nhà nước của Thành phố theo hướng tinh gọn, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng bộ phận của bộ máy hành chính, của từng cán bộ, công chức, viên chức. Cần công khai hóa các thủ tục hành chính để mọi người biết, thực hiện giám sát người thừa hành công vụ, đặc biệt là trong các lĩnh vực như: Cấp quyền sử dụng đất, cấp phát ngân sách; tín dụng, tài chính; đấu thầu xây dựng, mua sắm vật tư, trang thiết bị,.. là những biện pháp hữu hiệu để phòng, chống tội phạm tham nhũng.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm cơ chế, chính sách về công tác tổ chức – cán bộ thuộc cấp cơ sở để phòng, chống tham nhũng. Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ trong các đơn vị thuộc hệ thống chính trị cơ sở, nhất là trong các khâu tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật. Tăng cường dân chủ ở cơ sở; đặt phòng, chống tham nhũng trong mối quan hệ với chương trình tổng thể về cải cách hành chính nhà nước nói chung và cải cách hiện đại hóa hệ thống chính quyền cấp cơ sở nói riêng. Kịp thời điều chuyển, thay thế những cán bộ lãnh đạo, quản lý có nhiều dư luận, biểu hiện

tham nhũng, lãng phí, uy tín giảm sút, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của hệ thống chính quyền cấp cơ sở. Xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xử lý kỷ luật cán bộ, công chức vi phạm tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan đơn vị mình.

- Có biện pháp bảo vệ an toàn và kịp thời biểu dương, khen thưởng những cán bộ, đảng viên, công chức và nhân dân dũng cảm tố cáo, phát hiện những hành vi tham nhũng, lãng phí. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và có chính sách truyền thông đúng đắn, phát huy vai trò và trách nhiệm của bộ phận tuyên truyền trong phòng, chống tham nhũng. Xây dựng kế hoạch phối hợp giữa tổ chức đảng các đoàn thể quần chúng và chính quyền cơ sở trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

### **3.5 Giải pháp pháp luật**

Để tăng tính chủ động trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm thì cần phải có một hệ thống pháp luật vững mạnh và hoàn thiện. Yêu cầu thực tiễn nước ta hiện nay nói chung và của thành phố Hồ Chí Minh nói chung đang đặt ra là phải hoàn thiện hệ thống pháp luật cả về lĩnh vực quản lý Nhà nước và cả về tổ chức, về tư pháp hình sự...phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xu hướng hội nhập kinh tế thế giới. Vì vậy:

- Cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế, bảo đảm sự đồng bộ, đầy đủ để tạo hành lang pháp lý an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tiến hành rà soát, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật trong từng lĩnh vực quản lý kinh tế để bảo đảm tính chặt chẽ, tránh tạo sơ hở, lợi dụng để phạm tội.

- Pháp luật về xử lý tham nhũng còn nhiều bất cập, trước tình hình tham nhũng ngày càng diễn biến phức tạp. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 và các quy định pháp luật khác có liên quan đến việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng nói chung và tội phạm tham nhũng nói riêng. Vì, hiện tại những quy định liên quan đến các tội phạm về tham nhũng, chức vụ trong chương XXI Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã có những bất cập khi nhiều hành vi phạm tội mới xuất hiện mà chưa được luật hóa chỉ có quy định 7 tội danh. Thêm vào đó, Việt Nam đã tham gia Công ước của Liên hợp quốc về chống tham

những, nên đòi hỏi việc phải nội luật hóa nội dung của Công ước mà Việt Nam đã cam kết. Do đó, chúng tôi cho rằng Chương XXI về các tội xâm phạm về chức vụ của Bộ luật hình sự hiện hành cần có một số sửa đổi, bổ sung như:

+ Quy định thêm hành vi “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước” vì, Bộ luật Hình sự năm 1999 không quy định hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản thành một tội danh độc lập mà đưa thành một tình tiết tăng nặng tại khoản 2 Điều 142 về tội sử dụng trái phép tài sản nhưng tại Khoản 9 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng thì quy định hành vi “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vì vụ lợi” là một trong số các hành vi tham nhũng. Do đó, nên tách hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước thành một tội danh độc lập, để đảm bảo tính tương đồng giữa Bộ luật hình sự và Luật Phòng, chống tham nhũng.

+ Hiện nay, Luật phòng chống tham nhũng cũng như Bộ luật Hình sự chỉ dừng lại ở việc quy định các tội phạm tham nhũng trong khu vực công mà chưa có những quy định về tội phạm tham nhũng trong khu vực tư. Tuy nhiên, trong Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng mà Việt Nam là thành viên đã yêu cầu các quốc gia thành viên cần thiết phải tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng chống tham nhũng không chỉ trong khu vực công mà cả trong khu vực tư. Thực tế hiện nay ở Việt Nam cũng đã xuất hiện dạng tham nhũng trong lĩnh vực tư, Vì vậy, trong quá trình nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự cũng cần nghiên cứu về việc mở rộng phạm vi tham nhũng ra khu vực tư (như sửa đổi khái niệm tham nhũng, các dấu hiệu cấu thành của các tội phạm tham nhũng cụ thể...) để phù hợp với nội dung của công ước quốc tế về chống tham nhũng mà Việt Nam đã cam kết.

+ Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, các quốc gia khác nhau trên thế giới, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ đóng một vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta thông qua các hoạt động hợp tác, hỗ trợ, viện trợ, tài trợ... Tuy nhiên, thực tế đã xảy ra hiện tượng một người nào đó vì vụ lợi mà đưa hối lộ công chức nước ngoài hay tổ chức quốc tế công để dành những ưu thế trong các hoạt động nêu trên, vì vậy, để bảo đảm sự cạnh tranh lành mạnh và giữ gìn quan hệ hợp tác quốc tế nên bổ sung hành vi đưa

hồi lộ cho công chức nước ngoài, công chức làm việc tại các tổ chức quốc tế công vào Bộ luật hình sự.

- Sắp tới Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 01 năm 2018 thì tội phạm tham nhũng được quy định tại Mục 1, Chương XXIII cũng chỉ có 7 tội danh, giống với Bộ luật 1999. Do đó, cần phải có nhiều lớp tập huấn để tuyên truyền, phổ biến các quy định về phòng chống tham nhũng, kịp thời áp dụng vào thực tế. Qua đó, phát hiện những khó khăn vướng mắc để kiến nghị sửa đổi kịp thời, nhằm phục vụ tốt nhất cho công cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng nói chung và trên đại bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

- Trong việc xây dựng hệ thống pháp luật liên quan đến phòng chống tham nhũng, Nhà nước ta mới chỉ chú trọng đến pháp luật xử lý tham nhũng, chưa chú ý đúng mức đến pháp luật về phòng ngừa tham nhũng. Do đó, chúng ta phải tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng ngừa tham nhũng, làm cho cơ hội phát sinh tham nhũng bị hạn chế và dần dần sẽ bị loại trừ.

- Xây dựng quy định cụ thể việc đưa, nhận quà biếu. Cần thiết phải quy định cụ thể về việc nhận quà biếu theo hướng: Nghiêm cấm cán bộ công chức, người có chức vụ, quyền hạn nhận quà dưới bất kỳ hình thức nào của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có quan hệ với cơ quan, tổ chức, đơn vị mà mình công tác hoặc có quan hệ với công việc mà mình đang đảm nhiệm.

- Ban hành khuôn khổ pháp lý riêng cho người tố cáo, phát hiện hành vi tham nhũng, trong đó quy định rõ những điều luật cơ bản như bảo đảm bí mật danh tính và bí mật thông tin; thời hạn và trách nhiệm xử lý thông tin của cơ quan, đơn vị chuyên trách chống tham nhũng; các tình huống và các phương án thích ứng trong công tác bảo vệ an toàn, tính mạng, tài sản, tinh thần, gia đình người tố cáo... Có cơ chế khuyến khích và bảo vệ người đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực; đồng thời xử lý nghiêm những người bao che, cố tình ngăn cản việc chống tham nhũng, trù dập người tố cáo tham nhũng hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác...

- Trong thực tiễn xét xử, việc thu thập, nghiên cứu hồ sơ, đánh giá chứng cứ rất phức tạp, hồ sơ có đến hàng trăm nghìn bút lục, cần nhiều thời gian để nghiên cứu, đánh giá chứng cứ vụ án nhằm xác định hành vi phạm tội, mức độ tham gia

của từng bị cáo và những vấn đề liên quan đến trách nhiệm bồi thường dân sự của các bị cáo một cách chính xác, toàn diện là rất khó khăn. Do vậy, cần sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự theo hướng tăng thời hạn điều tra, truy tố, xét xử đối với các vụ án tham nhũng như: đối với các vụ án tham nhũng nghiêm trọng (có khung hình phạt tù đến 7 năm) thì thời hạn điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử là 04 tháng, đối với các vụ án tham nhũng rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng thì thời hạn chuẩn bị xét xử là 06 tháng; bổ sung quy định về trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xác minh tài sản, cho phép áp dụng biện pháp kê biên tài sản ngay từ khi đủ cơ sở khởi tố một cá nhân nào đó về hành vi tham nhũng để tránh việc tẩu tán tài sản. Việc Bộ luật Tố tụng hình sự hiện nay thiếu các quy định cụ thể làm cơ sở để thực hiện tốt công tác này dẫn đến quá trình tiến hành tố tụng đối với vụ án, có nhiều trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng không kịp thời áp dụng các biện pháp kê biên tài sản, tạo điều kiện cho người phạm tội, người thân của họ có đủ thời gian để xử lý và tẩu tán tài sản.

- Khẩn trương hoàn thiện các quy định về giám định tư pháp, nhất là giám định tài chính, giám định chất lượng công trình, đầu tư xây dựng... phục vụ kịp thời, có hiệu quả việc xử lý tham nhũng. Nghiên cứu thực hiện các biện pháp cần thiết để hạn chế khả năng đối phó của đối tượng có dấu hiệu tham nhũng khi bị thanh tra, kiểm tra, gây khó khăn cho hoạt động của các cơ quan chức năng (như điều chuyển khỏi vị trí công tác, cách ly hợp pháp...).

### **3.6 Giải pháp đối với công tác đấu tranh phòng chống của cơ quan bảo vệ pháp luật**

#### ***3.6.1 Đối với các tổ chức đoàn thể, xã hội trong phòng, chống tham nhũng***

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, xã hội trong phòng, chống tham nhũng. Để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý mọi hành vi tham nhũng, thì cần phải tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức và cơ quan công quyền, trong đó cần đặc biệt quan tâm đến công tác kiểm tra của Đảng và vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp trong phòng chống tham nhũng, coi đó là một công tác thường xuyên, đóng vai trò then chốt trong đấu tranh phòng chống tội phạm tham nhũng.

Tuy nhiên, để khắc phục những khiếm khuyết, tồn tại và chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát hiện nay thì cần phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ. Đồng thời, sớm ban hành Luật tiếp cận thông tin để cơ quan, tổ chức, cá nhân, công dân có cơ sở, điều kiện tham gia thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng; xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các phương thức thanh tra, kiểm tra, kiểm soát để nâng cao chất lượng hiệu quả của công tác này, có như vậy thì mới có tác dụng hữu hiệu trong đấu tranh phòng chống loại tội phạm nguy hiểm này.

Huy động sức mạnh quần chúng nhân dân tham gia phòng chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong việc giám sát cán bộ, công chức và cơ quan, tổ chức, đơn vị để phát hiện đấu tranh với các hiện tượng tham nhũng.

Xây dựng cơ chế giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức quần chúng đối với việc xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách; giám sát sinh hoạt, phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, vai trò của cơ quan thông tấn, báo chí cùng toàn xã hội trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

### ***3.6.2 Đối với các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước trong phòng, chống tham nhũng***

Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước và của các cơ quan tư pháp trong phòng, chống tham nhũng. Diễn biến tình hình phạm tội tham nhũng ngày càng có chiều hướng phức tạp với tính chất nghiêm trọng đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp các lực lượng, tiến hành đồng bộ các biện pháp đấu tranh, trong đó điều quan trọng là phải tăng cường hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước và của các cơ quan tư pháp trong phòng, chống tham nhũng.

Đối với công tác thanh tra, kiểm toán cần tập trung thực hiện hiệu quả các hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán một số nội dung, lĩnh vực trọng điểm như : Việc đầu tư các dự án và xây dựng các công trình trọng điểm của Thành phố; việc quản lý, sử dụng nhà và đất thuộc sở hữu Nhà nước; việc giải quyết thủ tục hành

chính của các sở - ngành, nhất là hải quan, quản lý thị trường, thuế; việc thu, chi ngân sách, quản lý và sử dụng các nguồn vốn ngân sách, tài chính doanh nghiệp, vốn vay, các quỹ từ thiện; việc thực hiện quy chế tự kiểm tra tài chính - kế toán của các cơ quan có sử dụng ngân sách.

Tăng cường công tác thanh tra công vụ, xử lý nghiêm cán bộ, công chức có hành vi những vi phạm, tiêu cực. Tập trung kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện các kết luận thanh tra. Chú trọng việc truy thu tài sản bị chiếm đoạt, kê biên tài sản phải đền bù. Chấn chỉnh hoạt động thi hành án dân sự và phát mãi tài sản sung công, bảo đảm thu đúng giá trị tài sản đã tịch thu. Chỉ đạo xử lý dứt điểm các vụ việc có nhiều dư luận bức xúc. Nghiên cứu kết hợp tổ chức và hoạt động kiểm tra, giám sát của Ủy ban kiểm tra Đảng với cơ quan Thanh tra các cấp, đề cao trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trong việc tự kiểm tra để từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

### ***3.6.3 Đối với các cơ quan tư pháp trong phòng, chống tham nhũng***

- Đối với các cơ quan tư pháp của Thành phố: Với tư cách là những cơ quan trực tiếp điều tra, truy tố, xét xử, cải tạo giáo dục người phạm tội, các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án của Thành phố Hồ Chí Minh, nhất là Cơ quan điều tra cần chủ động phòng ngừa ngăn chặn tội phạm tham nhũng bằng việc đẩy mạnh các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn để kịp thời, thường xuyên nắm chắc tình hình các cơ sở kinh tế quan trọng, các khâu trọng điểm thường xảy ra hành vi tham nhũng trong lĩnh vực quản lý kinh tế nhằm phát hiện kịp thời hành vi cố ý làm trái chính sách, chế độ quản lý kinh tế, tài chính, các dấu hiệu phạm tội tham ô, đưa - nhận hối lộ, những người có biểu hiện thu nhập bất minh, trên cơ sở đó phát hiện các hành vi tham nhũng để kiên quyết khởi tố, điều tra và xử lý nghiêm minh. Cần đấu tranh kiên quyết với khuynh hướng bao che, muốn xử lý nội bộ đối với người phạm tội tham nhũng vì lý do chiều cố công lao của người phạm tội có chức vụ, quyền hạn. Thực tế chưa có sự nhận thức thống nhất về tính nguy hiểm của tội phạm tham nhũng nên trong một số vụ án tham nhũng, việc truy tố, xét xử còn chưa nghiêm, xét xử nhẹ, cho hưởng án treo không đúng quy định của pháp luật nên không bảo đảm tính giáo dục, phòng ngừa chung đối với xã hội và trừng trị, cải tạo, phòng ngừa riêng đối với người phạm tội tham nhũng

- Đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cần thực hiện đúng các quy định của Thông tư liên tịch số 06/2013 ngày 02/08/2013 của liên ngành trung ương về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đặc biệt là các tin báo, kiến nghị khởi tố có liên quan đến tham nhũng và Bộ luật Hình sự, Tố tụng Hình sự. Tích cực điều tra, xác minh giải quyết vụ án, khi có dấu hiệu tội phạm thì phải kiên quyết khởi tố để điều tra, xử lý tội phạm, không vì cả nể hay mối quan hệ quen biết mà làm sai lệch hồ sơ hay chậm tiến độ giải quyết vụ án, kịp thời kê biên các tài sản liên quan đến tội phạm, góp phần thu hồi tài sản bị thiệt hại cho nhà nước cũng như kéo giảm tình hình tội phạm tham nhũng trên địa bàn thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

- Đối với Viện kiểm sát: Thực hiện tốt vai trò Thực hành quyền công tố, Kiểm sát điều tra, Kiểm sát xét xử. Phối hợp tốt với Cơ quan điều tra, đặc biệt là theo sát tiến trình điều tra của Điều tra viên trong các vụ án tham nhũng, để kịp thời đề ra các yêu cầu điều tra, giải quyết những khó khăn, vướng mắc để vụ án được kết luận đúng thời hạn, truy tố đúng quy định không bỏ lọt hay làm oan sai người vô tội. Trong quá trình kiểm sát phát hiện và tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, các thủ đoạn hành vi phổ biến để kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền để phòng ngừa nhằm hạn chế tội phạm tham nhũng.

- Đối với Tòa án: Tập trung xét xử các vụ án tham nhũng, đặc biệt là các vụ án tham nhũng lớn được dư luận xã hội quan tâm. Mức án Tòa tuyên phải nghiêm minh, đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Mặt khác, thực tiễn hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật cũng cho thấy, ngay trong lĩnh vực tư pháp, tội phạm tham nhũng cũng diễn ra nghiêm trọng, nổi lên là những hành vi lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi, đưa, nhận hối lộ. Điều đó cho thấy phải phòng ngừa đấu tranh mạnh mẽ để ngăn chặn nạn tham nhũng ngay trong lĩnh vực hoạt động tư pháp bằng việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 08 - NQ/TW ngày 02/01/2002, Nghị quyết số 49 – NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp để củng cố, kiện toàn các cơ quan tiến hành tố tụng, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên và đồng bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh,

có năng lực chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có bản lĩnh vững vàng làm nòng cốt trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng.

### **3.7 Giải pháp về kiểm soát quyền lực, kiểm soát minh bạch**

#### ***3.7.1 Giải pháp kiểm soát quyền lực***

Cơ cấu tổ chức quản lý nên xây dựng theo mô hình chế độ thủ trưởng. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải có đủ thẩm quyền để quản lý, điều hành công việc cũng như ràng buộc trách nhiệm liên đới nếu để xảy ra vi phạm, tiêu cực tại cơ quan, đơn vị mình. Quy định này sẽ ràng buộc trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong việc bảo đảm bộ máy trong sạch và nâng cao trách nhiệm kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức của đơn vị mình trên địa bàn 24 quận huyện của thành phố Hồ Chí Minh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, tránh các biện pháp tiêu cực có thể xảy ra.

Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trên địa bàn thành phố để ngăn ngừa tham nhũng, lãng phí; xây dựng văn hóa tiết kiệm, không lãng phí. Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí của các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân và cơ quan truyền thông trong công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí.

#### ***3.7.2 Giải pháp minh bạch***

Tăng cường tính công khai, minh bạch trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách, pháp luật. Sớm ban hành quy định về kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, chế định thu hồi tài sản tham nhũng; bổ sung quy định ngăn chặn việc tẩu tán tài sản, bảo đảm cho việc thu hồi, xử lý tài sản do tham nhũng mà có để kiểm soát và phòng ngừa tham nhũng. Ban hành các quy định nhằm tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; hoàn thiện cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy chế phối hợp giữa các cơ quan thanh tra, kiểm toán, kế toán, điều tra, truy tố, xét xử trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng

Kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; thực hiện nghiêm các quy định về công khai, kê khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ. Tiếp tục hoàn thiện quy định bảo đảm kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, nhất là các nội dung về quản lý bản kê khai tài sản; kiểm tra, giám sát, xác minh việc kê khai; trách nhiệm giải trình việc tăng, giảm tài sản, những khoản chi tiêu, giao dịch có giá trị lớn. Quy định rõ chế tài xử lý đối với người kê khai tài sản không trung thực.

### **3.8 Giải pháp về hợp tác quốc tế và học tập kinh nghiệm phòng chống tội phạm tham nhũng của các nước trên thế giới**

Từng bước mở rộng hoạt động phòng, chống tham nhũng ra khu vực ngoài nhà nước; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng. Đẩy mạnh việc đàm phán, ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp, dẫn độ tội phạm, các thỏa thuận về hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm với các nước, nhất là các nước có quan hệ truyền thống hoặc có đông người Việt Nam sinh sống. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tư pháp của các nước để truy bắt, dẫn độ số đối tượng phạm tội lẩn trốn và thu hồi tài sản tham nhũng tẩu tán ra nước ngoài. Học tập các nước trên thế giới như Nga “Chiến dịch bàn tay sắt”, Ustralia, Hàn Quốc “Đưa tham nhũng vào giáo dục trong trường học”, Mỹ, Singapore...trong công tác đấu tranh chống tham nhũng, để tiếp thu những mặt tốt áp dụng có hiệu quả vào tình hình thực tiễn tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, nhằm nâng cao chất lượng phòng, chống tội phạm tham nhũng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

### **Kết luận Chương 3**

Chương 3 của luận văn đã sử dụng cơ sở lý luận và thực tiễn đã được làm rõ của chương trước đề xuất ra các giải pháp nhằm loại bỏ các nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng cũng như các giải pháp cho việc hoàn thiện công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung trong thời gian tới. Các giải pháp được đề cập trong chương này đều được xây dựng trên cơ sở nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm tham nhũng ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, do vậy có cơ sở lý luận và thực tiễn, đảm bảo tính khả thi.

## KẾT LUẬN

Tội phạm tham nhũng xảy ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là một hiện tượng xã hội tiêu cực và đã gây tác hại rất lớn đến quá trình xây dựng và phát triển Thành phố, làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội của địa phương. Công tác phòng ngừa tội phạm tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh là một bộ phận của công tác phòng, chống tệ nạn tham nhũng ở Việt Nam. Đây là một công tác đầy khó khăn, thử thách đối với chính quyền và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khi tội phạm tham nhũng đã len lỏi và ngày càng ăn sâu vào các tổ chức, cơ quan Nhà nước, gây nên những tác hại rất lớn về kinh tế, xã hội, làm giảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện phát sinh, tồn tại và phát triển của các tội phạm tham nhũng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh không chỉ xuất phát từ tính đặc thù, khó khăn của việc phát hiện, điều tra và xử lý các tội phạm tham nhũng mà còn bắt nguồn từ thực tiễn đòi hỏi phải nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng nhằm ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ loại tội phạm nguy hiểm này trong tương lai. Chính vì vậy, việc lựa chọn nghiên cứu đề tài **“Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm về tham nhũng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”** trước hết xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn trong việc nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh chống các tội phạm tham nhũng, đồng thời xuất phát từ yêu cầu cấp thiết của việc nghiên cứu lý luận, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn để tìm ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa tội phạm tham nhũng trên địa bàn Thành phố, đáp ứng yêu cầu công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

Trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận văn, tác giả đã nhận được sự giúp đỡ nhiều cơ quan, đơn vị, cá nhân. Tác giả xin chân thành cảm ơn quý Thầy, Cô của Học viện Khoa học xã hội Viện Hàn lâm Khoa học – Xã hội Việt Nam, các đồng chí lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các đồng nghiệp và đặc biệt xin cảm ơn Tiến sĩ Nguyễn Trung Thành - người Thầy hướng dẫn khoa học đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tác giả thực hiện luận văn này.

Mặc dù đã cố gắng trong việc nghiên cứu nhưng đây là một đề tài rộng và khả năng nghiên cứu khoa học của tác giả còn nhiều hạn chế nên đề tài cũng không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của Thầy giáo và đồng nghiệp để luận văn thêm hoàn thiện.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Ban chấp hành trung ương Đảng, Hà Nội;
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 48/NQ-TW ngày 24/05/2005 của Bộ chính trị về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”*, Ban chấp hành trung ương Đảng, Hà Nội;
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Ban chấp hành trung ương Đảng, Hà Nội;
4. Bộ Chính trị (2003), *Chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 09/12/2003 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản, Hà Nội;
5. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48/CT-TW ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*;
6. Nguyễn Hòa Bình, Nguyễn Xuân Yêm (2004), *Tội phạm kinh tế thời mở cửa*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
7. Lưu Đức Dương (2014), *Đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng*, Tạp chí kiểm sát – Viện kiểm sát nhân dân tối cao (số 02), tr. 44;
8. Đại học Huế (2008), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
10. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 khóa VII (1992)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

11. Trần Văn Độ, Đào Trí Úc, Võ Khánh Vinh, Trần Đình Nhã, Nguyễn Ngọc Hòa, Đặng Văn Quang, Ngô Ngọc Thúy, Phạm Văn Tinh (1994), *Tội phạm học, Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
12. Nguyễn Ngọc Hòa (2008), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
13. Hoàng Phê (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng;
14. Đỗ Ngọc Quang (2003), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân;
15. Đinh Văn Quế (2002), *Bình Luận khoa học Bộ luật Hình sự 1999, tập V (Phần các tội phạm về chức vụ)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh;
16. Hoàng Thị Kim Quế (2008), *Tham nhũng - những khía cạnh xã hội, pháp lý và giải pháp phòng, chống giai đoạn hiện nay ở nước ta*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Đại học Luật Hà Nội;
17. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2009), *Quyết định số 69/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020*;
18. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
19. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tổ tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
20. Quốc hội (2017), *Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017*;
21. Quốc hội (2005), *Luật phòng, chống tham nhũng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
22. Thanh tra Nhà nước (2013), *Báo cáo kết quả công tác phòng, chống tham nhũng*;
23. Phạm Văn Tinh (2016), *Tăng cường nhận thức khái niệm về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay*, Tạp chí KHXH (số 02), tr.1-13;
24. Phạm Văn Tinh (2008), “*Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay – Mô hình lý luận*”, Tạp chí NN và Pháp luật (số 06), tr.79-84;

25. Phạm Văn Tĩnh (2009), *Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (số 4), tr. 57-64;
26. Phạm Văn Tĩnh (1998), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội;
27. Hoàng Anh Tuyên (2016), *Những nội dung mới cơ bản của tội phạm về tham nhũng trong bộ luật hình sự năm 2015*, Tạp chí kiểm sát (số 04), tr. 35 -63;
28. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2003), *Cơ chế chính sách và các biện pháp đấu tranh, xử lý có hiệu quả tội phạm tham nhũng*, Hà Nội;
29. Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, *Báo cáo tổng kết công tác phòng chống tham nhũng năm 2012*;
30. Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, *Báo cáo tổng kết tình hình, kết quả công tác nội chính; phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp năm 2013, 2014, 2015, 2016*;
31. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Tài liệu Hội nghị tổng kết công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng*, Hà Nội;
32. Võ Khánh Vinh (2002), “*Dự báo tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
33. Võ Khánh Vinh (2003), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân;
34. Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.